

FINALE 2000

LÀM QUEN VỚI FINALE 2000

1. GIỚI THIỆU

Finale 2000 là một phần mềm chuyên nghiệp dùng để chép nhạc với đầy đủ các tính năng cần thiết và dễ sử dụng. Với Finale 2000, người sử dụng được đáp ứng các yêu cầu sau :

- ❖ Viết nhạc ca khúc
- ❖ Viết nhạc hợp xướng
- ❖ Tách bè cho hợp xướng
- ❖ Viết bản tổng phổ
- ❖ Tách bản tổng phổ thành các phân phổ
- ❖ Trao đổi lời ca qua lại với các chương trình soạn thảo văn bản khác chạy trong Windows
- ❖ Tự động ghép lời ca vào nhạc
- ❖ Hỗ trợ ký âm bằng MIDI Keyboard
- ❖ Tạo ô nhịp lấy đà
- ❖ In nhiều bản nhạc trên một trang giấy
- ❖ Điều chỉnh kích cỡ bản nhạc (trang in, nốt nhạc, đầu nốt, dòng nhạc) theo ý muốn
- ❖ Du nhập hình ảnh để trang trí
- ❖ Giao tiếp với chương trình Encore

...

2. CÀI ĐẶT FINALE 2000

Finale 2000 là phần mềm 32 bit, chạy tốt trong Windows 9x, Windows NT trên máy PC cũng như Macintosh

Chương trình chính của Finale 2000 có dung lượng khoảng 1 CD, hiện nay (tháng 03/2000) trên thị trường Vietnam chỉ có bản chào hàng cho Trung Quốc với dung lượng khoảng 11 Mb. Bản chào hàng này thiếu một số chức năng về phối khí

- ❖ Chạy file Setupfin.exe để cài đặt chương trình chính

3. GIAO DIỆN FINALE 2000

Theo mặc định, khi khởi động Finale 2000 sẽ mở hộp thoại Document Setup Wizard hướng dẫn từng bước tạo tài liệu mới :

- ❖ Title tựa đề
- ❖ Composer tên tác giả
- ❖ Paper Size khổ giấy muốn in
- ❖ Portrait hướng giấy đứng
- ❖ Landscape hướng giấy nằm
- ❖ Next qua bước 2

Trong hộp thoại Document Setup Wizard Choose Parts chọn loại hình âm nhạc muốn thể hiện và Click Finish để kết thúc

Finale sẽ mở ra màn hình làm việc gồm các thành phần :

- ❖ Thanh công cụ chính (Main Tool Bar)
- ❖ Thanh công cụ chính (Main Tool Palette)
- ❖ Thanh công cụ nhập nốt đơn giản (Simple Entry Palette)
- ❖ Thanh công cụ nhập dấu lặng (Simple Entry Rest Palette)
- ❖ Bảng điều khiển Playback Control

Sự ẩn / hiện của các Palette này được xác lập trong Menu Window

4. MỞ TÀI LIỆU

Mở tài liệu mới với sự trợ giúp của Wizard

Vào File / New / Document With Setup Wizard

Finale 2000 sẽ hướng dẫn từng bước tạo một tài liệu mới : đặt tựa đề, ghi tên tác giả, chọn khổ giấy, hướng giấy, tạo dòng nhạc ...

Mở tài liệu mới với một Template đã chọn làm mặc định

Vào File / New / Default Document

Mở tài liệu mới với một Template của Finale 2000

Vào File / New / Document From Template

Nếu sau khi cài đặt mà không có các Templates, phải cài đặt chương trình Finale2000d Demo, sau đó Copy thư mục Templates của Finale2000d Demo vào ..\Audio\Finale2000\Templates

Finale 2000 cung cấp sẵn 41 tập tin Template với 5 thể loại :

- ❖ **Band Templates : có 11 mẫu cho ban nhạc**

Brass Choir

Gồm : Trumpet in Bb 1 - Trumpet in Bb 2 - Trumpet in Bb 3 – Horn in F 1 - Horn in F 2 - Horn in F 3 - Horn in F 4 – Trombone 1 - Trombone 2 - Trombone 3 – Bariton - Tuba

Brass Quintet

Score

Performance Time - 4:00

Moderato ♩ = 108

Trumpet in Bb 1

Trumpet in Bb 2

Horn in F

Trombone

Tuba

Brass Trio

Score

Performance Time - 4:00

Moderato ♩ = 108

Trumpet in Bb 1

Horn in F

Trombone

Full Concert Band

Gồm : Piccolo – Flute 1-2 – Oboe 1-2 – English Horn – Bassoon – Clarinet in Eb – Clarinet in Bb 1 – Clarinet in Bb 2-3 – Alto Clarinet – Bass Clarinet – Alto Saxophone 1-2 – Tenor Saxophone – Baritone Saxophone – Cornet 1 – Cornet 2-3 – Trumpet in Bb 1-2 – Horn in F 1-3 – Horn in F 2-4 – Trombone 1-2 – Bass Trombone – Tuba – Timpani – Percussion 1 – Percussion 2 – Percussion 3

Jazz Band

Gồm : Alto Saxophone 1 – Alto Saxophone 2 – Tenor Saxophone 1 – Tenor Saxophone 2 – Baritone Saxophone – Trumpet in Bb 1 – Trumpet in Bb 2 – Trumpet in Bb 3 – Trumpet in Bb 4 – Trombone 1 – Trombone 2 – Trombone 3 – Trombone 4 – Guitar – Piano – Bass – Drums

Marching Band

Gồm : Piccolo – Flute – Oboe – Clarinet in Bb 1 – Clarinet in Bb 2-3 – Bass Clarinet – Alto Saxophone 1-2 – Tenor Saxophone – Baritone Saxophone – Trumpet in Bb 1-2, Trumpet in Bb 3 – Horn in F 1-2 – Horn in F 3-4 – Trombone 1-2 – Trombone 3 – Baritone – Tuba – Mallets – Snare Drum – Cymbals – Quad Toms – Bass Drum – Auxiliary

Small Concert Band

Flute/Oboe

Clarinet in Bb

Alto Saxophone

Tenor Saxophone

Trumpet in Bb

Horn in F

Trombone/Baritone

Tuba

Percussion

Wind Ensemble

Gồm : Piccolo – Flute 1-2 – Oboe 1-2 – English Horn – Bassoon 1-2 – Clarinet in Eb – Clarinet in Bb 1 – Clarinet in Bb 2-3 – Bass Clarinet – Alto Saxophone – Tenor Saxophone –

Baritone Saxophone – Horn in F 1-3 – Horn in F 2-4 – Cornet 1- Cornet 2-3 – Trumpet in Bb 1-2 – Trombone 1-2 – Bass Trombone – Euphonium – Tuba – Timpani – Percussion 1 – Percussion 2 – Percussion 3

Woodwind Choir

Gồm : Flute 1 – Flute 2 – Oboe – Bassoon – Clarinet in Bb 1 – Clarinet in Bb 2 – Clarinet in Bb 3 – Alto Clarinet – Bass Clarinet – Alto Saxophone – Tenor Saxophone – Baritone Saxophone

Woodwind Quintet

Musical notation for Woodwind Quintet. It consists of five staves, each with a clef and an instrument label below it. From left to right: Flute (treble clef), Oboe (treble clef), Clarinet in Bb (treble clef with a Bb key signature), Horn in F (treble clef with a Bb key signature), and Bassoon (bass clef). A blue bracket is drawn under the first four staves.

Woodwind Trio

Musical notation for Woodwind Trio. It features three staves labeled Flute, Oboe, and Bassoon. Above the staves, the tempo is marked as "Moderato" with a quarter note symbol and "= 108". The Flute and Oboe staves use treble clefs, and the Bassoon staff uses a bass clef. All staves are currently empty.

❖ Choral Templates : có 9 mẫu cho nhạc hợp xướng

Musical notation for Choral Templates. It shows two staves: a treble clef staff on top and a bass clef staff on the bottom. Both staves are currently empty.

BBSfemale



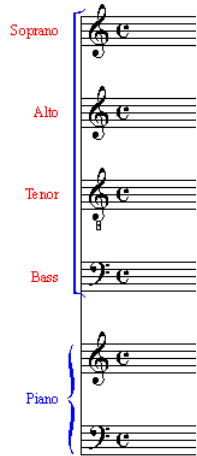
BBSmale



SAB With Piano



SATB With Piano



SATB with Piano, Bass và Percussion

A diagram showing the layout of musical staves for an ensemble. From left to right, there are eight staves. The first four staves are labeled 'Soprano', 'Alto', 'Tenor', and 'Bass' respectively. A blue bracket groups the first four staves. The fifth and sixth staves are labeled 'Piano'. The seventh staff is labeled 'Percussion', and the eighth staff is labeled 'Bass'. The labels are in red text.

SSA with Piano

A diagram showing the layout of musical staves for a SSA with Piano ensemble. It consists of five staves. The first three staves are labeled 'Soprano I', 'Soprano II', and 'Alto' respectively. The last two staves are labeled 'Piano'. The labels are in red text.

TTBB with Piano

A diagram showing the layout of musical staves for a TTBB with Piano ensemble. It consists of six staves. The first four staves are labeled 'Tenor I', 'Tenor II', 'Bass I', and 'Bass II' respectively. The last two staves are labeled 'Piano'. The labels are in red text.

Two Parts with Piano

Part I
Part II
Piano

This musical score consists of three staves. The top two staves are labeled 'Part I' and 'Part II' in red. The bottom two staves are labeled 'Piano' in blue and are bracketed together. All staves are in treble clef with a common time signature 'C'.

Vocal Solo with Piano

Solo
Piano

This musical score consists of three staves. The top staff is labeled 'Solo' in red. The bottom two staves are labeled 'Piano' in blue and are bracketed together. All staves are in treble clef with a common time signature 'C'.

❖ **Church Templates : có 5 mẫu cho nhạc nhà thờ**

Church Orchestra

Gồm : Flute – Oboe – Clarinet in Bb 1-2 – Trumpet in Bb 1 – Trumpet in Bb 2-3 – Horn in F 1 – Alto Sax 2 – Trombone 1 – Teno Sax 2 – Trombone 3 – Tuba – Percussion 1 – Percussion 2 – Drum Set – Piano – Harp – Violon 1 – Violon 2 – Viola – Clarinet in Bb 3 – Cello – Contrabass

Handbells

This musical score consists of two staves, both in treble clef with a common time signature 'C'. The notation is dense, featuring many accidentals (sharps, flats, naturals) and complex rhythmic patterns.

Hymnal

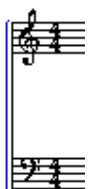
This musical score consists of two staves, both in treble clef with a common time signature 'C'. The notation is simple, consisting of a few notes and rests.

Piano and Organ

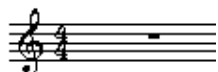
Piano

This musical score consists of two staves, both in treble clef with a common time signature 'C'. The bottom staff is labeled 'Piano' in blue and is bracketed together.

Shape Note Hymnal



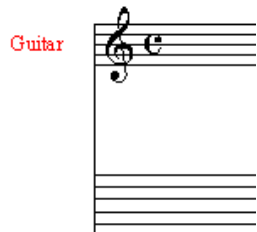
❖ **General Templates : có 10 mẫu cho ca khúc phổ thông**
Big Note Bells



Grand Staff



Guitar Tablature



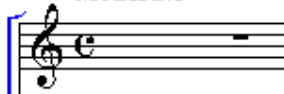
Instrumental Duet

Score

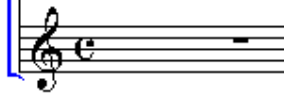
Performance Time - 4:00

Moderato ♩ = 108

Instrument 1



Instrument 2



Instrumental Quartet

Instrument 1



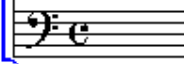
Instrument 2



Instrument 3

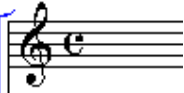


Instrument 4



Instrumental Quintet

Instrument 1



Instrument 2



Instrument 3



Instrument 4



Instrument 5



Instrumental Trio

Instrument 1



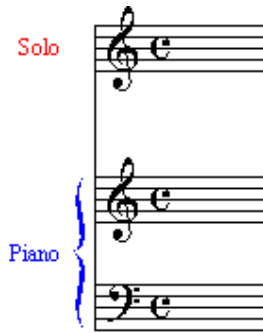
Instrument 2



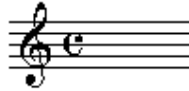
Instrument 3



Instrumental



Lead Sheet



Transposition

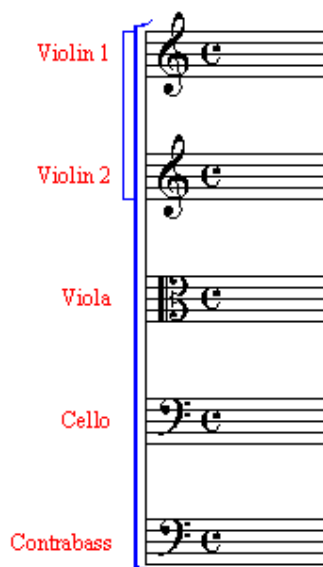
Gồm : Piccolo – Flute – Alto Flute – Oboe – English Horn – Clarinet in Bb – Clarinet in A – Alto Clarinet – Bass Clarinet – Tenor Saxophone – Alto Saxophone – Bariton Saxophone – Bassoon – Contrabassoon – Horn in F – Trumpet in Bb – Trumpet in C – Cornet – Trombone – Baritone – Tuba – Timpani – Percussion – Piano – Violon 1 – Violon 2 – Cello - Contrabass

❖ **Orchestral Templates : có 6 mẫu cho dàn nhạc giao hưởng**

Full Orchestra

Gồm : Piccolo – Flute 1 – Flute 2 – Oboe 1 – Oboe 2 – English Horn – Clarinet in Eb – Clarinet in Bb 1 – Clarinet in Bb 2 – Bass Clarinet – Bassoon1 – Bassoon 2 – ContraBassoon – Horn in F 1-2 – Horn in F 3-4 – Trumpet in Bb 1 – Trumpet in Bb 2-3 – Trombone 1-2 - Trombone 3 – Tuba – Timpani – Percussion – Violon 1 – Violon 2 – Viola – Cello – Contrabass

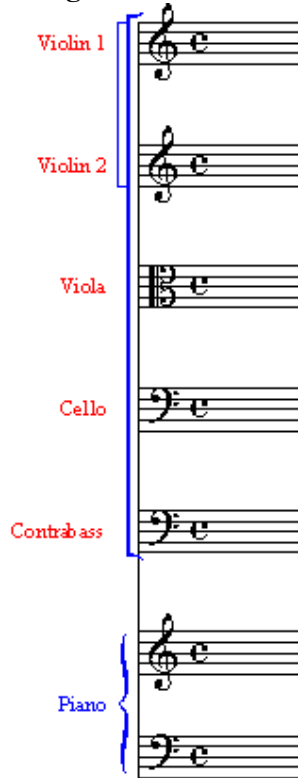
Chamber Orchestra



Small Orchestra

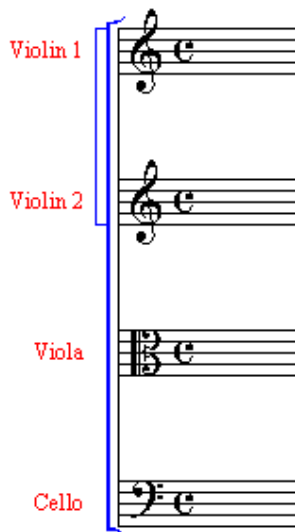
Gồm : Flute 1 – Flute 2 – Oboe 1 – Oboe 2 – English Horn – Clarinet in Bb 1 – Clarinet in Bb 2 – Bassoon1 – Bassoon 2 – Horn in F 1 – Horn in F 2 – Trumpet in Bb 1 – Trumpet in Bb 2 – Timpani – Piano - Violon 1 – Violon 2 – Viola – Cello – Contrabass

String Orchestra with Piano



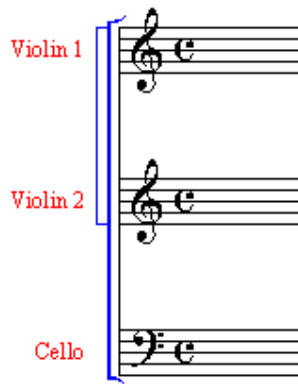
Musical score for String Orchestra with Piano. The score consists of seven staves. The first five staves are for the string instruments: Violin 1 (treble clef), Violin 2 (treble clef), Viola (alto clef), Cello (bass clef), and Contrabass (bass clef). The sixth and seventh staves are for the Piano, with the left hand on the sixth staff (bass clef) and the right hand on the seventh staff (treble clef). A blue bracket on the left side groups the Piano staves. The key signature is one flat (Bb) and the time signature is common time (C).

String Quartet



Musical score for String Quartet. The score consists of four staves: Violin 1 (treble clef), Violin 2 (treble clef), Viola (alto clef), and Cello (bass clef). A blue bracket on the left side groups the Violin 1 and Violin 2 staves. The key signature is one flat (Bb) and the time signature is common time (C).

String Trio



Mở tài liệu mới trắng

Vào File / New / Empty Document

Finale 2000 sẽ mở tài liệu chỉ có một ô nhịp với mặc định là khóa **Sol 2**, nhịp **C** và **không có hóa biểu**

Mở tài liệu đã có trên đĩa

Vào File / Open

Finale 2000 có thể mở được các dạng thức tập tin : **.MUS, .ETF, .MID, .FTM**

Mở tập tin thư viện các nhạc cụ

Dùng để tạo thêm sự phong phú khi diễn tấu (Playback) bản nhạc

Vào File / Open Library

Tập tin có dạng thức **.LIB**

Du nhập tập tin từ các chương trình khác

Vào File / Import

Encore Files : mở các tập tin ***.ENC**

MIDIScan Files : mở các tập tin ***.MND**

Cùng một lúc Finale 2000 cho phép mở nhiều tài liệu để làm việc

5. ĐÓNG TÀI LIỆU

Đóng tài liệu hiện hành

Vào File / Close **Ctrl + W**

Đóng tất cả các tài liệu đang mở

Vào File / Close All

6. LƯU TRỮ

Lưu trữ tài liệu hiện hành

Vào File / Save **Ctrl + S**

Finale 2000 sẽ lưu tài liệu với phần mở rộng **.MUS** (Finale Binary File), ngoài ra Finale 2000 còn cho phép lưu ở các dạng **.ETF** (Enigma Transportable File), **.MID** (MIDI File), **.FTM** (Finale Template File)

Lưu tài liệu với tên hoặc đường dẫn khác

Vào File / Save As

Lưu tất cả các tài liệu đang mở

Vào File / Save All

Lưu những lựa chọn về nhạc cụ đã sử dụng

Lưu lại những nhạc cụ mà người sử dụng đã dùng trong quá trình làm việc để sau này có thể dùng lại

Vào File / Save Library

Lưu cách sắp xếp của sổ làm việc

Vào File / Save Preferences

7. PHỤC HỒI LẠI TRẠNG THÁI CỦA LẦN LƯU TRỮ CUỐI CÙNG

Vào File / Revert

8. GHI CHÚ THÔNG TIN CHO TÀI LIỆU

Vào File / File Info

- ❖ Title : tựa đề
- ❖ Composer : tác giả
- ❖ Copyright : tác quyền, nhà xuất bản
- ❖ Description : mô tả
- ❖ Created : ngày sáng tác
- ❖ Modified : ngày hiệu chỉnh
 - ✧ Statistics : xem những con số thống kê về bản nhạc (số trang, số khuông, số ô nhịp ...)

9. THOÁT KHỎI CHƯƠNG TRÌNH

Vào File / Exit

10. CÁC CÁCH HIỂN THỊ

Vào menu View

- ❖ Scroll View: bản nhạc được hiển thị trên một dòng ngang **Ctrl + E**
- ❖ Page View : xem theo dạng trang in **Ctrl + E**
- ❖ Scale View to : tỷ lệ phóng to - thu nhỏ
 - ✧ Other : khai báo tỷ lệ chính xác
 - ✧ Last Size : xem theo tỷ lệ đã xem trước đó
 - ✧ Fit in Window : hiển thị trọn trang giấy lên màn hình

Hoặc dùng công cụ số 11 (Zoom Tool) trên thanh công cụ : Click vào màn hình để phóng to và nhấn Ctrl + Click để thu nhỏ

- ❖ Select Staff Set : chọn dòng nhạc làm việc, sử dụng khi viết các bản giao hưởng. Chỉ có hiệu lực trong chế độ Scroll View
- ❖ Customize Palette : chỉnh sửa các Palette theo ý riêng
- ❖ Show Grid : hiển thị đường lưới
- ❖ Show Rulers : hiển thị thước dọc và ngang
- ❖ Show Margins : hiển thị lề trang và đường canh giữa trang khi ở chế độ Page View
- ❖ Show System Locks : hiển thị biểu tượng ổ khóa cuối dòng nhạc (để cố định dòng nhạc)
- ❖ Select Layers : chọn lớp (Layer) làm việc

Hoặc có thể chọn bằng cách Click vào số hiệu Layer ở góc dưới bên trái màn hình

- ❖ Show Active Layer Only : chỉ hiển thị Layer hiện hành
- ❖ Show Mutiple Pages : hiển thị tất cả các trang (ở chế độ Page View), nên kết hợp với cách hiển thị Fit In Window

- ❖ Show PostScript Preview : xem trước trang in khi in với máy in PostScript

11. DI CHUYỂN TRONG BẢN NHẠC

Góc dưới bên trái cửa sổ làm việc có khung hiển thị ghi số trang (khi ở chế độ Page View) hoặc số ô nhịp (khi ở chế độ Scroll View), có thể nhập số trang hoặc số ô nhịp và nhấn Enter để di chuyển đến vị trí đó

Về ô nhịp đầu tiên

Vào View / Home Position

Dịch chuyển bản nhạc lên – xuống, qua - lại

Dùng công cụ số 10 (Hand Grabber) trên thanh công cụ

12. CẬP NHẬT MÀN HÌNH

Vào View / Redraw Screen **Ctrl + D**

Xác lập các thông số cho Redraw

Vào View / Redraw Options

- ❖ Redraw Only Active Window : chỉ cập nhật màn hình đang làm việc (khi mở nhiều tài liệu cùng lúc)
- ❖ Redrawn Only on Command : chỉ cập nhật lại khi chọn View / Redrawn
- ❖ Allow Redraw Interrupt : thường chọn mục này

13. CHỌN MÀU HIỂN THỊ CHO CÁC KÝ HIỆU TRONG BẢN NHẠC

Vào View / Select Display Colors

Click vào mục muốn thay đổi và chọn màu trong bảng màu

14. THIẾT LẬP MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Vào Menu Options

- ❖ **MEASUREMENT UNITS** : Chọn đơn vị đo lường

Finale 2000 dùng 6 đơn vị đo lường : EVPU, Inche, Centimeter, Point, Pica và Space

- ✧ EVPU (Enigma Virtual Page Unit) là đơn vị đo lường riêng của Finale 2000, nó có khả năng co giãn phần nhạc tương ứng với kích thước trang
- ✧ SPACES là đơn vị đo lường trong âm nhạc, được xác định bởi khoảng cách giữa hai đường kẻ

BẢNG TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC ĐƠN VỊ ĐO

EVPU's	Spaces	Inches	Milimeter	Points	Picas
24	1	.083	2.12	6	.667
1	.042	.0035	.09	.25	.042
288	12	1	25.4	72	6
113	4.708	.392	10	28.25	2.3622
11	.458	.038	1	2.75	.2362
4	.167	0.14	.35	1	.083
48	2	.167	4.23	12	1

TƯƠNG QUAN GIỮA HAI ĐƠN VỊ EVPU VÀ SPACE

SPACEs	EVPU's
0.25	6

0.5	12
0.75	18
1	24
1.25	30
1.5	36
1.75	42
2	48

Ngoài ra Finale còn dùng đơn vị EDU để tính giá trị cho nhịp điệu

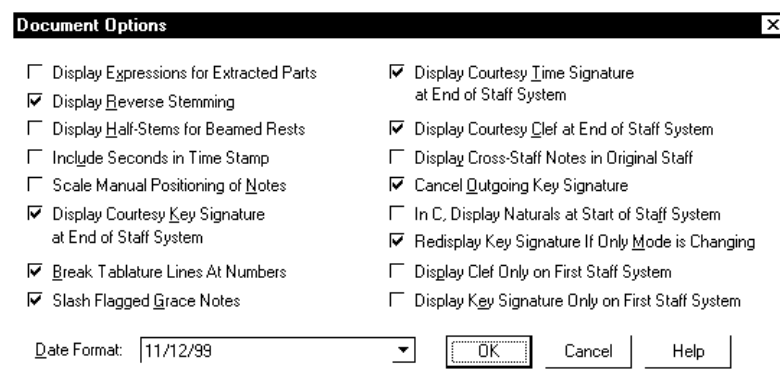
GIÁ TRỊ TRƯỜNG ĐỘ TÍNH THEO EDU

Rhythmic value	EDUs	Rhythmic value	EDUs	Rhythmic value	EDUs
double whole	8192	quarter	1024	dotted 32nd	192
dotted whole	6144	dotted eighth	768	triplet sixteenth	171
whole	4096	triplet quarter	683	32nd	128
dotted half	3072	eighth	512	dotted 64th	96
half	2048	dotted sixteenth	384	64th	64
dotted quarter	1536	triplet eighth	341	dotted 128th	48
half note triplet	1365	sixteenth	256	128th	32

❖ PROGRAM OPTIONS

- ❖ Close Subsidiary... : đóng các Palette phụ khi không chọn công cụ đó nữa
- ❖ Close Simple Entry ... : đóng Palette nhập nốt đơn giản khi không chọn công cụ đó nữa
- ❖ Show Rest Palette... : hiển thị Palette nhập dấu lặng
- ❖ Auto Save ... : chỉ định thời gian để chương trình tự động lưu trữ
- ❖ Make Setup Wizard... : chọn cách thể hiện khi Finale 2000 khởi động
- ❖ Save Preferences ... : lưu các lệnh đã chọn để sắp xếp công cụ khi làm việc
- ❖ Save Window State ... : lưu màn hình làm việc khi thoát
- ❖ Load Window State ... : khi khởi động chương trình, mở cửa sổ làm việc theo màn hình của lần làm việc gần nhất, nếu không Finale 2000 sẽ mở theo màn hình mặc định
- ❖ Make Backups... : tạo bản Backup khi lưu
- ❖ Folders : chỉ định vị trí các thư mục chứa dữ liệu
 - ❖ Music : chỉ định thư mục lưu tài liệu
 - ❖ Libraries : chỉ định thư mục lưu các thư viện nhạc cụ
 - ❖ Backup : chỉ định thư mục lưu các File Backup
 - ❖ Auto Save : chỉ định thư mục chứa lưu tự động
- ❖ Other Options : mở hộp thoại Other Program Options
 - ❖ Default File Name : tên tập tin Template mặc định khi mở
 - ❖ New Documents Windows : các chỉ định khi mở tập tin mới
 - ☒ View Percent : tỉ lệ phần trăm của cửa sổ
 - ☒ View : chọn cách hiển thị Page View hoặc Scroll View
 - ❖ Undo
 - ☒ Allow Undo : cho hiệu lực chức năng Undo
 - ☒ Allow Undo past save : cho phép Undo sau khi đã lưu
 - ☒ Maximun Undo... : chỉ định số lần được Undo, số 0 là không giới hạn

- ❖ Open Older Documents As Untitled : mở tập tin được viết trên Version cũ như là một tập tin “không tên”
 - ❖ Open Templates As Untitled : mở tập tin Template như là một tập tin “không tên”
 - ❖ Require Confirmation After Conversion Of Older Documents : yêu cầu xác nhận lại khi chuyển đổi tập tin viết trên Version cũ
 - ❖ Show Tools Menu : hiển thị menu Tool trên thanh Menu
 - ❖ Number Of Recent... : chỉ định số tài liệu sử dụng gần nhất lưu lại trong menu File
 - ❖ Tie Conversation : dùng khi mở 1 tập tin được viết trên một Version cũ hơn
- ❖ **DOCUMENT SETTINGS** : điều chỉnh các thành phần sau :
- ❖ Augmentation Dots : khoảng cách giữa dấu chấm và nốt nhạc
 - ☒ Adjust Dot For Multiple Voices : điều chỉnh chung cho các bè
 - ❖ Barlines : dấu tái đoạn và các vạch nhịp kép
 - ☒ Heavy Line Thickness : bề dày vạch đậm kết bài
 - ☒ Thin Line Thickness : bề dày vạch nhịp trong bài
 - ☒ Space Between Double Barlines : khoảng cách giữa hai vạch kép
 - ☒ Space Between Final Barlines : khoảng cách giữa hai vạch kết bài
 - ☒ Left Barlines : xác lập cho vạch nhịp bên trái của ô nhịp
 - ❖ Clef Designer : vị trí khóa nhạc
 - ☒ Click Symbol để chọn
 - ❖ Beaming : thanh nối các nốt móc
 - ❖ Curves : điều chỉnh độ nét cho các ký hiệu có dạng đường cong (như dấu nối...), cao nhất là 128
 - ❖ Document Options : xác lập sự ẩn / hiện của một số thành phần trong bản nhạc. Những xác lập này sẽ được lưu vào tài liệu



- ❖ Layer Options : xác lập hướng đuôi nốt cho từng Layer
 - ☒ Settings for : chọn Layer muốn xác lập
 - ☒ Freeze Stems and Ties : chọn hướng (cố định) cho đuôi nốt và dấu nối
- ❖ Lines : xác lập cho các ký hiệu có dạng đường thẳng (như đuôi nốt, dấu liên, dấu gạch của nốt hoa mỹ, đường kẻ của khuông nhạc...)
- ❖ Multimeasure Rest : các chỉ định cho ký hiệu viết tắt của dấu nghỉ trên nhiều ô nhịp
- ❖ Music Characters : chỉ định các đặc tính của các ký hiệu âm nhạc

- ✧ Music Options : chỉ định các tương quan khoảng cách liên quan đến: nốt nhạc , dấu hóa, khóa
- ✧ Music Spacing Options : chỉ định khoảng cách và kích thước liên quan đến : ô nhịp, dấu nối...
- ✧ Notation Options : các chỉ định liên quan đến : khóa, dấu hóa, đuôi nốt, dấu lấy ngắn
 - ☒ Select : chọn khóa mặc nhiên khi thêm một dòng nhạc mới. Mặc định là khóa Sol 2 (số 0)
 - ☒ Percent : kích thước của khóa nhạc khi được chèn vào giữa dòng nhạc, tính bằng phần trăm so với kích thước thật. Mặc định là 75 %
 - ☒ Offset : khoảng cách giữa khóa nhạc (chèn vào giữa dòng nhạc) đến vạch nhịp



- ☒ Vertical Spacing Between Accidentals : khoảng cách theo phương thẳng đứng giữa hai dấu hóa. Mặc định là 6

Vertical Spacing Between Accidentals
-4 -6



- ☒ Reverse Stem Adjust : điều chỉnh đuôi nốt khi nối ngược chiều nhau ngang qua dòng nhạc hoặc các nốt có cao độ cách nhau quá lớn



- ☒ Decimal Places : vị trí dấu gạch ngang trong số chỉ nhịp so với tử số
- ☒ Grace Note Size : kích cỡ nốt lấy ngắn
- ☒ Tab Spaces : khoảng con nháy dịch chuyển khi nhấn phím Tab trong khi làm việc với Text
- ✧ Page Format For Part : định dạng trang in cho từng bè
- ✧ Page Format For Score : định dạng trang in cho bản nhạc
- ✧ Piano Braces : dấu nối các dòng nhạc cho Piano
- ✧ Repeat Bar : xác lập cho dấu tái đoạn
- ✧ Repeat Endings : xác lập cho phân đoạn lặp lại
- ✧ Tie Options : các xác lập cho dấu nối

❖ Time Signature Options : các xác lập cho số biểu thị nhịp

❖ **DISPLAY IN CONCERT PITCH**

Sử dụng một hóa biểu chung cho tất cả các khuôn nhạc

❖ **SELECT DEFAULT FONTS**

Chọn Font chữ mặc định cho chương trình bằng cách Click Set Font trên các dòng

❖ Lyrics : lời ca

❖ Text : văn bản

❖ Notation : các ký hiệu

❖ Chord : hợp âm

❖ Chord Alteration... : thay đổi kích thước của các loại dấu hóa

❖ Set Default Music Font : trở về mặc định

15. ĐÁNH DẤU Ô NHỊP

Tạo một Bookmark

Chọn ô nhịp muốn đánh dấu

Vào View / Bookmarks / Add Bookmarks **Ctrl +B**

❖ Name : đặt tên cho Bookmark

❖ Assign to : ấn định chế độ hiển thị cho Bookmark

❖ Settings for Page (hoặc Scroll) View : số trang (hoặc số ô nhịp) và tỷ lệ hiển thị khi nhảy đến Bookmark

❖ Click Add để thêm một Bookmark vào danh sách

Hiệu chỉnh Bookmark

❖ Vào View / Bookmarks / Edit Bookmarks

❖ Chọn tên Bookmark cần sửa trong khung Bookmarks

❖ Tên Bookmark đã chọn sẽ xuất hiện trong khung Name, có thể sửa tên từ khung này

❖ Chỉ định lại các xác lập cho Bookmark trong mục **Assign to** và **Settings for Page (hoặc Scroll) View**

❖ Done : Chấp nhận các sửa đổi

❖ Add : thêm một Bookmark mới vào danh sách

❖ Delete : xóa Bookmark đang được chọn

Sử dụng Bookmark

Vào View / Bookmarks / Click chọn tên Bookmark muốn nhảy đến

16. CHỌN KHỐI DỮ LIỆU

Chọn một ô nhịp

❖ Chọn công cụ số 19 (Mass Mover) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu MassMover và MassEdit

❖ Click vào ô nhịp muốn chọn

❖ Nhấn Shift + Click vào ô nhịp để chọn thêm các ô nhịp khác

Chọn các ô nhịp liên tiếp

Cách 1

- ❖ Chọn công cụ số 19 (Mass Mover) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu MassMover và MassEdit
- ❖ Click vào ô nhịp đầu tiên
- ❖ Nhấn Shift + Click vào ô nhịp cuối cùng

Cách 2

- ❖ Vào Edit / Select Region
Khai báo các ô nhịp muốn chọn trong khung From (từ) và Through (đến)

Cách 3

Drag Mouse quanh các ô nhịp muốn chọn

Chọn toàn bản nhạc

- ❖ Chọn công cụ số 19 (Mass Mover) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu MassMover và MassEdit
- ❖ Vào Edit / Select All

Chọn một phần ô nhịp

- ❖ Chọn công cụ số 19 (Mass Mover) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu MassMover và MassEdit
- ❖ Vào Edit / đánh dấu chọn mục Select Partial Measures
- ❖ Vào Edit / Select Region
- ❖ Đánh dấu chọn ô Beat sau khung Measure
- ❖ Nhập số phách muốn chọn trong khung sau từ Beat

Chọn lựa các thành phần muốn Copy

- ❖ Vào MassMover
 - ✧ Move Everything : Copy nội dung và cách định dạng của ô nhịp
 - ✧ Move Entry Items : chọn các thành phần muốn Copy
Chọn các thành phần trong hộp thoại Entry Items
 - ☒ Entries : nốt nhạc
 - ⊕ Check Accidentals : kiểm tra dấu hóa bất thường
 - ⊕ Freeze Stems : cố định đuôi nốt
 - ⊕ Rebeam : thanh nối
 - ⊕ Transpose : chuyển dịch
 - ☒ Articulations : nốt hoa mỹ
 - ☒ Chords : hợp âm
 - ☒ Lyrics : lời ca
 - ☒ Note - attached Expressions : các ký hiệu
 - ☒ Smart Shapes : dấu luyến (phải gắn với nốt)
 - ...
 - ✧ Move Measure Items : thay đổi các thành phần khi Copy

17. CHỌN CÁC KÝ HIỆU

Click vào Handle của đối tượng muốn chọn

18. SAO CHÉP DỮ LIỆU

Cách 1

- ❖ Chọn khối dữ liệu

- ❖ Vào Edit / Copy **Ctrl + C**
- ❖ Chọn ô nhịp sẽ Copy đến
- ❖ Chèn nội dung trong Clipboard vào vị trí chỉ định :
 - ✧ Vào Edit / Insert

Finale 2000 sẽ đẩy nội dung hiện thời sang phải

Hoặc nhấn Ctrl + Shift + Click vào ô nhịp muốn Paste và nhập số lần muốn Copy trong dòng How many times ?

- ❖ Thay thế nội dung đang chọn bằng nội dung trong Clipboard :
 - ✧ Vào Edit / Replace Entries

Cách 2

- ❖ Vào View / Page View
- ❖ Dùng Mouse kéo khối dữ liệu đã chọn đến nơi muốn sao chép vào
- ❖ Trong hộp thoại Copy Measure nhập số lần muốn sao chép
- ❖ OK

Cách 3

- ❖ Chọn công cụ số 18 (Note Mover) trên Main Tool Palette
 - ❖ Click vào ô nhịp, mỗi nốt sẽ có một Handle
 - ❖ Chọn nốt muốn sao chép

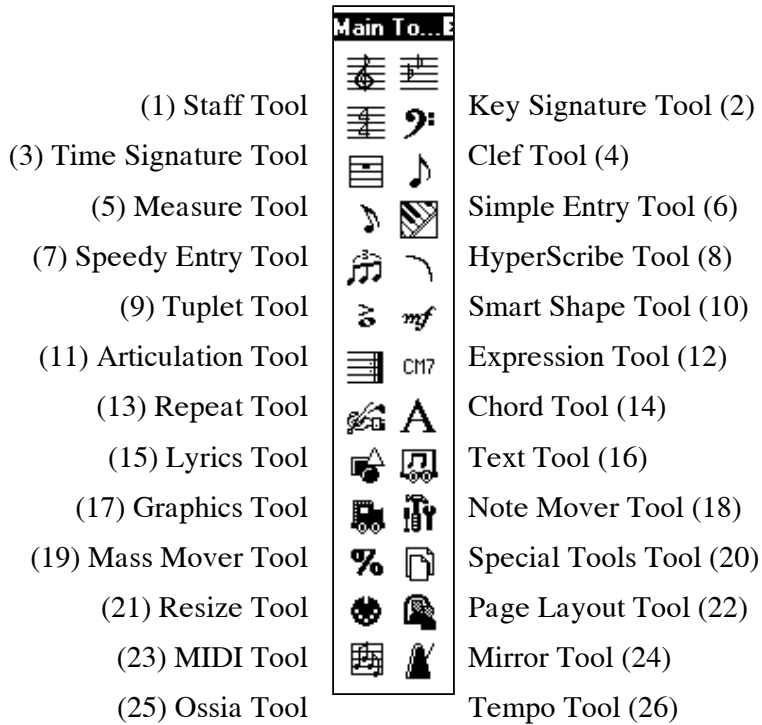
 - ❖ Vào NoteMover chọn mục thích hợp :
 - ✧ Copy And Replace : sao chép nốt mới và đẩy các nốt cũ sang ô nhịp sau
 - ✧ Copy And Merge : trộn các nốt mới vào các nốt cũ
 - ✧ Delete After Replace : thay thế các nốt cũ bằng các nốt mới đồng thời xóa các nốt cũ ở ô nhịp nguồn
 - ✧ Delete After Merge : trộn các nốt mới vào các nốt cũ và xóa các nốt cũ ở ô nhịp nguồn
 - ✧ Cross Staff : sao chép qua dòng nhạc khác
 - ✧ Insert Before : chèn các nốt mới vào trước các nốt cũ
 - ✧ Append After : chèn các nốt mới vào sau các nốt cũ
 - ❖ Muốn sao chép nốt nào thì dùng Mouse kéo Handle của nốt đó
- Cách này chỉ sao chép được mỗi lần một ô nhịp**

19. DI CHUYỂN DỮ LIỆU

- ❖ Chọn khối dữ liệu
 - ❖ Vào Edit / Cut **Ctrl + X**
 - ❖ Sẽ hiển thị hộp thoại Cut Measure với hai tùy chọn
 - ✧ Xóa những ô nhịp đã chọn, thay thế nội dung bằng dấu lặng (chỉ xóa nốt)
 - ✧ Xóa những ô nhịp đã chọn và nội dung bên trong cho tất cả các khuôn nhạc trong bản nhạc
 - ❖ Chọn ô nhịp sẽ dán
 - ❖ Chèn nội dung trong Clipboard vào vị trí chỉ định :
 - ✧ Vào Edit / Insert
- Finale 2000 sẽ đẩy nội dung hiện thời sang phải
- Hoặc nhấn Ctrl + Shift + Click vào ô nhịp muốn Paste**

- ❖ Thay thế nội dung chỉ định bằng nội dung trong Clipboard :
- ❖ Vào Edit / Replace Entries

20. THANH CÔNG CỤ MAIN



CHUẨN BỊ

1. SỐ BIỂU THỊ NHỊP

- ❖ Chọn công cụ số 3 (Time Signature) trên Main Tool Palette
- ❖ Click vào khuông nhạc, xuất hiện cửa sổ Time Signature
 - ❖ Number of Beats : điều chỉnh tử số (số phách trong một ô nhịp)
 - ❖ Beat Duration : điều chỉnh mẫu số (giá trị của một phách)
 - ❖ Rebar Music : khi thay đổi nhịp, Finale 2000 sẽ tự động điều chỉnh lại vạch nhịp cho phù hợp

- ❖ Measure Region
 - ☒ Measure Throught ... : hiệu lực từ ô nhịp... đến ô nhịp...
 - ☒ Measure Throught End of Piece : hiệu lực từ ô nhịp... đến hết bản nhạc
- ❖ Composite : ghi nhịp hỗn hợp, dùng khi bản nhạc được pha trộn nhiều loại nhịp khác nhau (tiết tấu khoáng đạt)
- ☒ Beat Groups : số phách trong một ô nhịp (tử số)
- ☒ Beat Duration : giá trị của một phách (mẫu số)
- ❖ Options
 - ☒ Use a different time Signature for Display : dùng ký hiệu nhịp khác để hiển thị
 - ☒ Abbreviate : viết kiểu vắn tắt

2. DẤU HÓA HỆ THỐNG (HÓA BIỂU)

- ❖ Chọn công cụ số 2 (Key Signature) trên Main Tool Palette
 - ❖ Click vào ô nhịp đầu tiên
 - ❖ Chọn dấu hóa và dạng thức trưởng (Major Key), thứ (Minor Key) hoặc không theo một tiêu chuẩn nào (Nonstandard) trong hộp thoại Key Signature
 - ❖ Transpose Notes : chuyển dịch những nốt đã có tương ứng với hoá biểu
 - ❖ Hold Notes to Original Pitches : những nốt đã có không bị ảnh hưởng bởi hoá biểu
 - ❖ Hold Notes to Same Staff Line : những nốt đã có sẽ chịu ảnh hưởng của hoá biểu
 - ❖ Transpose All Keys Proportionally : chuyển dịch các dấu hoá đã có trong bài cho tương ứng
- Trường hợp bản nhạc có nhiều khuôn cho nhiều nhạc cụ, nếu muốn tất cả các khuôn có cùng một hóa biểu phải chọn lệnh Display in Concert Pitch trong menu Options***

3. LÀM VIỆC VỚI Ô NHỊP

Thêm ô nhịp vào cuối bản nhạc

- ❖ Nhấn Ctrl + chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Nhập số ô nhịp muốn thêm vào trong hộp thoại Add Measures

Chèn ô nhịp

- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Chọn một ô nhịp
- ❖ Vào Measure / Insert
- ❖ Nhập số ô nhịp muốn chèn vào trong hộp thoại Insert Measures
- ❖ Ô nhịp mới sẽ được chèn vào trước ô nhịp được chọn

Xóa ô nhịp





- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Chọn một hoặc nhiều ô nhịp muốn xóa
- ❖ Vào Measure / Delete

CÁC PHƯƠNG PHÁP KÝ ÂM

1. DÙNG SIMPLE ENTRY TOOL

- ❖ Chọn công cụ số 6 (Simple Entry) trên Main Tool Palette, sẽ xuất hiện Menu Simple

❖ Thanh công cụ nhập nốt đơn giản

(1) Eraser		công cụ xóa
(2) Double Whole Note		nốt tròn đôi (nốt nguyên kép)
(3) Whole Note		nốt tròn (nốt nguyên)
(4) Half Note		nốt trắng (nốt 1/2)
(5) Quarter Note		nốt đen (nốt 1/4)
(6) Eighth Note		nốt móc đơn (nốt 1/8)
(7) 16th Note		nốt móc đôi (nốt 1/16)
(8) 32nd Note		nốt móc ba (nốt 1/32)
(9) 64th Note		nốt móc bốn (nốt 1/64)
(10) 128th Note		nốt móc năm (nốt 1/128)
(11) Up a Half Step		tạo dấu thăng
(12) Down a Half Step		tạo dấu giáng
(13) Up a Whole Step		tạo dấu thăng kép
(14) Down a Whole Step		tạo dấu giáng kép
(15) Remove Accidental		xóa dấu hóa bất thường
(16) Grace Note		tạo nốt hoa mỹ
(17) Dot		tạo dấu chấm trường độ
(18) Tie		tạo dấu nối

Nốt nhạc

- ❖ Chọn hình nốt trên Simple Entry Palette
- ❖ Click vào vị trí cao độ trong ô nhịp

Theo quy ước từ nốt Si trở lên đuôi nốt nhạc sẽ quay xuống

Dấu lặng

Cách 1

- ❖ Chọn hình dấu lặng trên Simple Entry Rest Palette
- ❖ Click vào ô nhịp

Cách 2

- ❖ Chọn hình nốt trên Simple Entry Palette
- ❖ Nhấn Shift + Click vào ô nhịp

Cách 3

- ❖ Nhập nốt bình thường
- ❖ Click vào hình nốt đã nhập, nốt nhạc sẽ chuyển thành dấu lặng với trường độ tương ứng và ngược lại

Xóa nốt nhạc & dấu lặng

- ❖ Chọn công cụ số 1 (Erase) và Click vào nốt hoặc dấu lặng muốn xóa

Nốt nhạc có chấm

- ❖ Nhập nốt nhạc
- ❖ Chọn công cụ 17 (Dot)
- ❖ Click chồng lên nốt nhạc, mỗi lần Click là được một dấu chấm

Dấu hóa bất thường

- ❖ Nhập nốt nhạc bình thường

- ❖ Chọn công cụ số 11 (Up a Half Step) : tạo dấu thăng, công cụ số 12 (Down a Half Step) : tạo dấu giáng, công cụ số 13 (Up a Whole Step) : tạo dấu thăng kép, công cụ số 14 (Down a Whole Step) : tạo dấu giáng kép
- ❖ Click chồng lên nốt nhạc để hình thành dấu hóa, nếu có nhấn thêm phím Shift thì dấu hóa sẽ nằm trong ngoặc đơn

Xóa dấu hóa bất thường

- ❖ Chọn công cụ số 15 (Remove Accidental) và Click vào nốt muốn xóa

Nốt lấy ngắn

- ❖ Nhập nốt bình thường
- ❖ Chọn công cụ số 16 (Grace Note)
- ❖ Click vào nốt muốn chuyển thành dấu lấy

Dấu nối

- ❖ Nhập 2 nốt muốn nối
- ❖ Chọn công cụ số 18 (Tie)
- ❖ Click vào nốt trước

Xóa dấu nối

- ❖ Chọn công cụ số 18 (Tie)
- ❖ Click vào dấu nối muốn xoá

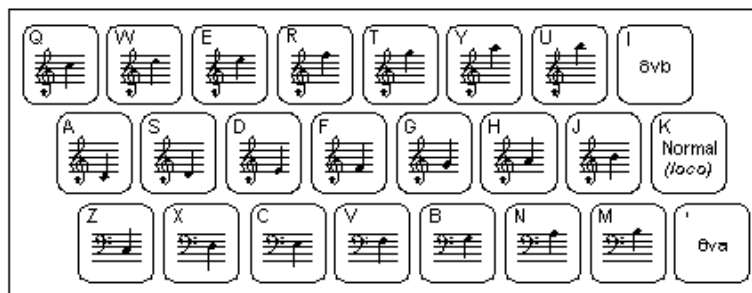
2. DÙNG SPEEDY ENTRY TOOL

- ❖ Chọn công cụ số 7 (Speedy Entry) trên Main Tool Palette, trên thanh Menu sẽ xuất hiện Menu Speedy
- ❖ Phương pháp này có 2 công cụ để nhập nốt là : bàn phím máy tính và nhạc cụ Midi (đàn Organ điện tử)

A. NHẬP BẰNG BÀN PHÍM MÁY TÍNH

- ❖ Vào Speedy bỏ chọn lệnh Use MIDI Keyboard (chọn lệnh này khi nhập nốt bằng đàn Organ điện tử)
- ❖ Click vào khung nhạc, một khung nhập nốt sẽ xuất hiện
 - ✧ Vạch thẳng đứng : vị trí nốt sẽ được ghi (dùng phím → và ← để di chuyển)
 - ✧ Vạch ngang nhỏ : chỉ cao độ sẽ được ghi (dùng phím mũi tên ↑ và ↓ để di chuyển)
 - ✧ V1 (Voice 1) : đang ở chế độ Voice 1 (bè 1)
- ❖ Dùng phím [và] để di chuyển khung qua lại một ô nhịp
- ❖ Dùng phím số 0 để làm mất hoặc hiện thị lại khung nhập nốt
- ❖ Dùng phím ngoặc đơn (‘) để chuyển từ Voice 1 sang Voice 2
- ❖ Các phím chữ dùng để chọn cao độ, mỗi hàng là một Octave
 - ✧ Phím Q (Do) - W (Re) – E (Mi) - R (Fa) - T (Sol) - Y (La) – U (Si)
 - ✧ Phím A (Do) - S (Re) - D (Mi) - F (Fa) - G (Sol) - H (La) – J (Si)
 - ✧ Phím Z(Do) - X (Re) - C (Mi) - V (Fa) - B (Sol) - N (La) - M (Si)

SƠ ĐỒ BÀN PHÍM



Để đơn giản hơn nên dùng phím mũi tên ↑ và ↓ để chọn cao độ

- ❖ Các phím số (bên phải bàn phím hoặc hàng số bên phím chữ) dùng để ghi trường độ
 - ❖ Phím số 1 nốt móc 4 còn gọi là nốt 1/64
 - ❖ Phím số 2 nốt móc 3 “ nốt 1/32
 - ❖ Phím số 3 nốt móc đôi “ nốt 1/16
 - ❖ Phím số 4 nốt móc đơn “ nốt 1/8
 - ❖ Phím số 5 nốt đen “ nốt 1/4
 - ❖ Phím số 6 nốt trắng “ nốt 1/2
 - ❖ Phím số 7 nốt tròn “ nốt nguyên
 - ❖ Phím số 8 nốt tròn đôi (nốt vuông) ” nốt nguyên kép

Trong phương pháp này nếu trong menu Speedy có đánh dấu chọn hai lệnh Jump to Next Measure và Create New Measures thì sau khi nhập đủ số phách cho ô nhịp thứ nhất thì Finale 2000 sẽ tự động thêm vào một ô nhịp trống và chuyển khung nhập nốt qua ô nhịp mới (không cần dùng chức năng Add Measure)

Nốt nhạc có chấm (Dot)

- ❖ Nhập nốt nhạc
- ❖ Nhấn phím dấu chấm, mỗi lần nhấn được một dấu chấm

Nhập nốt dạng hợp âm (Chord)

Cách 1

- ❖ Chuyển vạch thẳng đứng về lại nốt muốn ghi dạng hợp âm
- ❖ Chuyển vạch ngắn đến cao độ mới
- ❖ Nhấn Enter

Cách 2

- ❖ Double Click ở cao độ khác tại vị trí nốt muốn tạo dạng hợp âm

Xóa nốt

- ❖ Đưa vạch thẳng đứng đến vị trí nốt muốn xóa
- ❖ Xóa từng nốt của hợp âm : nhấn Backspace
- ❖ Xóa toàn hợp âm, xóa nốt, xóa dấu lặng : nhấn Delete

Chuyển một nốt sang nốt đồng âm (Enharmonic)

- ❖ Chuyển đến vị trí nốt muốn chuyển
- ❖ Nhấn phím số 9

Muốn chuyển cho toàn ô nhịp nhấn **CTRL + 9**

Tạo - Tách thanh nối đuôi các nốt móc (Beam)

Theo mặc định khi nhập bằng phương pháp này đuôi nốt móc sẽ được nối với nhau (do trong Menu Speedy có đánh dấu chọn mục Check Beaming), như thế sẽ gây khó khăn khi ghép lời. Tách ra như sau :

- ❖ Click vào ô nhịp
- ❖ Dùng phím mũi tên → để di chuyển vạch đứng đến nốt thứ 2 trong nhóm nốt muốn tách
- ❖ Nhấn phím /

Muốn tạo thanh nối cũng làm như trên

Tạo các thanh nối đuôi các nốt móc thẳng hàng (Flat Beam)

- ❖ Đưa vạch đứng đến nốt đầu tiên trong nhóm
- ❖ Nhấn phím \
- ❖ Làm lại để tạo các thanh nối không thẳng hàng

Thay đổi hướng đuôi nốt

- ❖ Nhấn phím L để chuyển đổi hướng của đuôi nốt

Thay đổi cao độ

- ❖ Click Mouse vào ô nhịp
- ❖ Click Mouse vào nốt muốn dời
- ❖ Đưa Mouse vào điểm giao nhau của vạch đứng và vạch ngang, kéo nốt đến vị trí mong muốn
- ❖ Nhấn thêm phím Shift để cố định hướng di chuyển
- ❖ Muốn thay đổi cao độ của một hợp âm, Double Click và khi Click cái thứ hai thì giữ Mouse và kéo nốt

Chuyển nốt sang dấu lặng (Rest)

- ❖ Nhập nốt
- ❖ Nhấn Backspace

Di chuyển dấu lặng

- ❖ Đặt vạch đứng trên dấu lặng
- ❖ Dùng Mouse + phím Shift kéo đến vị trí mới
 - ✧ Sau khi di chuyển nếu nhấn phím * dấu lặng sẽ trở về vị trí cũ
 - ✧ Dấu lặng nguyên (tròn) không thể di chuyển được

Ẩn / hiện nốt và dấu lặng

- ❖ Đặt vạch đứng lên nốt hoặc dấu lặng
- ❖ Dùng phím chữ O để chuyển đổi trạng thái ẩn và hiện

Ẩn / hiện dấu hóa (Accidental)

- ❖ Đặt vạch đứng lên nốt có dấu hóa
- ❖ Dùng phím * để chuyển đổi trạng thái ẩn và hiện

Nhóm nốt bất thường (Tuplet)

- ❖ Chọn cao độ
- ❖ Nhấn Ctrl + phím số cần tạo liên (số 3 cho liên 3, số 5 cho liên 5 v.v...), số được nhấn sẽ hiển thị ở góc trên bên phải của khung nhập nốt
- ❖ Nhập các nốt cho đủ trường độ
- ❖ Xác lập mặc định cho các nốt liên
 - ✧ Nhấn Ctrl + Chọn công cụ số 9 (Tuplet) trên Main Tool Palette
 - ✧ Display : chỉ định cách thể hiện dấu nối cho nhóm nốt liên bao gồm số (Number) và hình dạng dấu nối (Shape). Nếu không muốn vẽ dấu nối thì chọn Nothing trong khung Shape
 - ✧ Position

- ♣ Number : vị trí của số so với hình nốt
- ♣ Shape : vị trí của dấu nối so với hình nốt
- ♣ Left / Right Hook : độ cao của phần móc bên trái / phải
- ♣ Left / Right Extension : kéo dài dấu liên về bên trái / phải
- ♣ Slope : độ dốc của dấu nối

Nếu đã nhập nốt rồi sửa lại như sau

- ✧ Chọn cả bản nhạc bằng công cụ số 19 (Mass Mover) trên Main Tool Palette
- ✧ Vào MassEdit / Change / Tuplets

Sẽ xuất hiện cửa sổ Change Tuplets, hàng trên cùng có nghĩa là : *xx nốt ... chiếm chỗ của (in the space of) xx nốt ...*

Dấu hóa bất thường

- ❖ Nhập nốt như bình thường
- ❖ Nhấn phím dấu + : tạo dấu thăng
- ❖ Nhấn phím dấu - : tạo dấu giáng
- ❖ Nhấn hai dấu + : tạo dấu thăng kép
- ❖ Nhấn hai dấu - : tạo dấu giáng kép

Xóa dấu hoá bất thường

Đưa vạch đứng đến nốt muốn xoá

Nhấn phím dấu - để xoá dấu thăng và ngược lại

Dấu láy ngắn (Grace note)

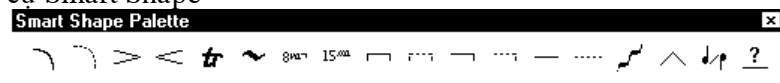
- ❖ Nhập nốt bình thường
- ❖ Dùng dấu chấm phẩy (;)
- ❖ Điều chỉnh kích thước cho dấu láy ngắn (nốt hoa mỹ)
 - ✧ Vào Options / Document Settings / Notation Options
 - ✧ Định lại trị số (%) cho dòng Grace Note Size

Dấu nối (Tie)

- ❖ Nhập 2 nốt muốn nối
- ❖ Di chuyển vạch đứng đến nốt thứ nhất
- ❖ Nhấn dấu bằng (=)
 - ✧ Nếu để vạch đứng ở nốt thứ hai thì nhấn **Ctrl + =**
 - ✧ Nếu nốt thứ hai nằm ở ô nhịp sau thì sau khi nhấn dấu bằng (=), nhấn thêm phím [

Dấu luyến (Slur)

- ❖ Chọn công cụ số 10 (Smart Shape) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu SmartShape và thanh công cụ Smart Shape



- ❖ Chọn biểu tượng số 1

Luyến qua hai nốt

- ❖ Vào SmartShape / Attach to Notes
- ❖ Đặt con nháy ở giữa hai nốt và Double Click

Luyến qua nhiều nốt

- ❖ Vào SmartShape / Attach to Measures
- ❖ Double Click vào nốt đầu tiên, khi Click lần thứ hai thì giữ Mouse và kéo đến nốt cuối cùng

Chỉnh sửa hình dạng dấu luyện

- ❖ Vào SmartShape / Slur Contour

Xếp đặt vị trí của dấu luyện

- ❖ Vào SmartShape / Smart Shape Placement / Slur

Chọn các mẫu có sẵn hoặc chỉ định lại theo ý thích trong các khung :

✧ Start Point : điểm bắt đầu

✧ End Point : điểm kết thúc

Trong hộp thoại cũng dùng để xếp đặt vị trí cho dấu Glissando (dấu vuốt)

Xóa dấu luyện

- ❖ Chọn biểu tượng số 1 (Slur) trên thanh công cụ Smart Shape

- ❖ Click chọn Handle của dấu luyện muốn xóa

- ❖ Nhấn Delete

Đổi hướng dấu nối & dấu luyện

- ❖ Chọn dấu muốn đổi hướng

- ❖ Nhấn **Ctrl + F**

B. NHẬP BẰNG BÀN PHÍM MÁY TÍNH KẾT HỢP VỚI MIDI KEYBOARD

- ❖ Vào Menu Speedy chọn Use MIDI Keyboard

- ❖ Click Mouse vào ô nhịp muốn nhập

- ❖ Dùng Midi Keyboard để nhập nốt và dùng bàn phím máy tính để nhập dấu lặng

Phím số 1 : dấu lặng móc bốn

Phím số 2 : dấu lặng móc bốn

Phím số 3 : dấu lặng móc đôi

Phím số 4 : dấu lặng móc đơn

Phím số 5 : dấu lặng đen

Phím số 6 : dấu lặng trắng

Phím số 7 : dấu lặng tròn

C. NHẬP BẰNG MIDI KEYBOARD

- ❖ Chọn công cụ số 8 (HyperScribe) trên Main Tool Palette

- ❖ Click vào ô nhịp cần nhập, hiển thị hộp thoại HyperScribe : nốt nhập vào chỉ xuất hiện dạng hình nốt trong ô nhịp, trường độ các nốt chỉ hiển thị khi khung chữ nhật chuyển qua ô nhịp khác

- ❖ Click Mouse ra ngoài khung chữ nhật để chấm dứt nhập liệu

VIẾT LỜI CA

1. VIẾT LỜI

Cách 1 :

- ❖ Chọn công cụ số 15 (Lyrics Tool) trên Main Tool Palette. Trên thanh menu sẽ có thêm menu Lyrics

- ❖ Vào Lyrics / Edit Lyrics, hộp thoại Edit Lyrics sẽ xuất hiện

✧ Chọn Font : vào Text / Font

✧ Nhập lời ca vào khung soạn thảo

Nếu bài nhạc có nhiều lời thì sau khi viết xong lời 1 thì chọn số 2 trên dòng Lyric để viết lời 2. Muốn dùng Font khác cho lời 2 thì vào Text / Font chọn lại

Finale 2000 cho phép viết đến 4095 lời !!!

Trong khung Lyric có 3 loại : Verse (phiên khúc), Chorus (hợp xướng) và Section nhưng không có sự khác biệt về lắm chuyên môn, lời ca của loại này vẫn có thể dùng được cho loại kia. Chúng chỉ giúp cho việc chuyển đổi Font

- ❖ Vào Lyrics / Click Assignment, hộp thoại Click Assignment xuất hiện và bên trái khung nhạc có hình chữ nhật đứng chứa 4 tam giác để định vị hàng của lời ca
- ❖ Đánh dấu chọn Auto Update (ca từ sẽ không nằm chồng lên nhau)
- ❖ Click Mouse vào nốt nhạc, Finale 2000 sẽ lấy từ đầu tiên bên trái hộp thoại Click Assignment gắn vào nốt

Hoặc Nhấn Ctrl + Double Click vào nốt đầu tiên, Finale 2000 sẽ tự động phân phối lời ca từ đầu đến cuối, khi gặp dấu lặng hoặc dấu nối Finale 2000 sẽ bỏ qua một cách thông minh !!!!

Khác với Encore, Finale 2000 cho phép Copy lời từ Edit Lyrics sang các chương trình soạn thảo văn bản khác chạy trong Windows và ngược lại chấp nhận lấy văn bản được soạn từ các trình khác vào Edit Lyrics để làm lời

Viết lời cho nhạc hợp xướng nên chọn mục Chorus trên dòng Lyric và khi gắn lời vào nốt nên chọn Layer riêng cho từng Chorus

Cách 2 :

- ❖ Chọn công cụ số 15 (Lyrics Tool) trên Main Tool Palette. Trên thanh menu sẽ có thêm menu Lyrics
- ❖ Vào Lyrics / Specify Current Lyrics
 - ✧ Type : xác định loại ca từ
 - ✧ Number : số lời ca
- ❖ Vào Lyrics / Type Into Score
- ❖ Bên biên trái của khung nhạc sẽ xuất hiện một khung chữ nhật đứng có 4 tam giác dùng để định vị hàng của lời ca
- ❖ Click vào nốt đầu tiên trong khung nhạc, sẽ xuất hiện con nháy
- ❖ Nhập lời (một hoặc vài từ)
- ❖ Nhấn phím Spacebar để chuyển con nháy qua nốt khác
- ❖ Nhấn phím Backspace để về ca từ trước hoặc Click Mouse trên nốt đó
- ❖ Vào Lyrics / Edit Lyrics
 - ✧ Đánh dấu khối các từ trong khung soạn thảo
 - ✧ Vào menu Text để định dạng cho Font

2. ĐIỀU CHỈNH CA TỪ

Ca từ nằm chồng lên nhau hoặc chồng lên nốt

- ❖ Vào Lyrics / Adjust / Syllables
- ❖ Click vào nốt muốn điều chỉnh, sẽ có 2 Handle xuất hiện bên dưới hình nốt
- ❖ Dùng Mouse kéo Handle dưới qua phải, trái, lên hoặc xuống để điều chỉnh lại vị trí ca từ
- ❖ Nếu không vừa ý nhấn Backspace để trở về vị trí cũ
- ❖ Nhấn Delete để xóa từ

Một ca từ kéo dài qua nhiều nốt

- ❖ Vào Lyrics / Shift Lyrics
 - ✧ Shift Lyrics to the ... : đẩy ca từ qua trái (hoặc phải)
 - ✧ Shift Syllables by One Note, to the End of the Lyrics : đẩy âm tiết theo từng nốt cho đến hết ca từ
 - ✧ Shift Syllables by One Note, to the Next Open Note : đẩy âm tiết theo từng nốt cho đến nốt trống kế cận
 - ✧ Rotate Syllables : hoán chuyển âm tiết (khi Click trên nốt nào là thêm 1 âm tiết trước (hoặc sau tùy thuộc vào chọn Right hay Left) nốt đó vào vị trí của nốt đó, âm tiết hiện thời sẽ được đẩy sang phải (hoặc trái)
- ❖ Click Mouse vào có ca từ nốt muốn đẩy ra

Nếu nhập một ký tự trống (Alt + 0160) vào những nốt không có ca từ khi viết lời ca trong Edit Lyrics thì khỏi phải sử dụng chức năng Shift Lyrics

Tạo dấu gạch cho ca từ kéo dài qua nhiều nốt

- ❖ Vào Lyrics / Edit Word Extensions
- ❖ Click vào nốt có ca từ kéo dài, bên phải ca từ sẽ xuất hiện một Handle
- ❖ Dùng Mouse kéo Handle sang phải để tạo đường gạch

Điều chỉnh khoảng cách dòng ca và khuôn nhạc

- ❖ Vào Edit / Click Assignment
- ❖ Dùng Mouse kéo hình tam giác thứ nhất (tính từ bên trái) lên xuống ***Hoặc*** vào Lyrics / Adjust Baselines
 - ✧ Type : chọn loại lời ca muốn điều chỉnh
 - ✧ Number : lời (mấy)
 - ✧ Offsets
 - ☒ Piece : khoảng cách từ dòng ca đến khuôn nhạc

Theo mặc định Finale 2000 sẽ lấy đường kẻ thứ 3 làm đường chuẩn để tính khoảng cách, tại đây sẽ là vị trí Zéro. Khi nhập số âm vào khung Piece thì dòng ca sẽ ở dưới đường kẻ thứ 3 và ngược lại

3. SỬA CHỮA LỜI CA

Vào lại Edit Lyrics

4. SAO CHÉP LỜI CA

- ❖ Vào Lyrics đánh dấu chọn Clone Lyrics
 - ❖ Chọn ô nhịp có lời muốn sao chép
 - ❖ Dùng Mouse kéo vùng đã chọn đến nơi muốn sao chép đến
- LƯU Ý : Ô nhịp nơi đến phải có phách giống như ô nhịp gốc***

5. TỰA ĐỀ

- ❖ Chọn công cụ số 16 (Text Tool) trên Main Tool Palette, trên thanh Menu sẽ xuất hiện menu Text và menu Frame
- Chế độ Scroll View***
- ✧ Double Click vào vị trí muốn đặt tựa đề
 - ✧ Sẽ xuất hiện một Text Box

- ✧ Nhập tựa đề vào Text Box
- ✧ Click Mouse ra ngoài Text Box để kết thúc và góc trên bên trái tựa đề sẽ xuất hiện một Handle

Chế độ Page View

- ✧ Double Click vào Handle trên chữ Title mặc định
- ✧ Nhấn Delete để xoá chữ Title
- ✧ Nhập tựa đề mới

Định dạng Font cho tựa đề

- ✧ Chọn Handle của tựa đề
- ✧ Vào Text / Font

Hiệu chỉnh tựa đề

- ❖ Double Click vào Handle hoặc Right Click / Edit Text
- ❖ Sửa nội dung

Định dạng lại

- ❖ Chọn Handle
- ❖ Vào Text / Character Settings ***Ctrl + T***

Di chuyển Text Box

- ❖ Drag Mouse tại Handle

Xoá Text Box

- ❖ Chọn Handle và nhấn Delete

6. GHI TÊN TÁC GIẢ

- ❖ Chọn công cụ số 16 (Text Tool) trên Main Tool Palette, trên thanh Menu sẽ xuất hiện menu Text và menu Frame

Chế độ Scroll View

- ✧ Double Click vào vị trí muốn ghi tên tác giả
- ✧ Sẽ xuất hiện một Text Box
- ✧ Nhập tên vào Text Box
- ✧ Click Mouse ra ngoài Text Box để kết thúc và góc trên bên phải nội dung vừa nhập sẽ xuất hiện một Handle

Chế độ Page View

- ✧ Double Click vào Handle trên chữ Composer mặc định
- ✧ Nhấn Delete để xoá chữ Composer
- ✧ Nhập tên tác giả

Các thao tác về định dạng và hiệu chỉnh khác làm như tựa đề

CÁC KỸ NĂNG CHUYÊN SÂU

1. TẠO VẠCH NHỊP KẾT BÀI

- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Trên mỗi vạch nhịp sẽ xuất hiện một Handle
- ❖ Double vào Handle trên vạch nhịp cuối bài

- ✧ Measure Attributes for Measure : số của ô nhịp đang đặt thuộc tính
- ✧ Barline : các dạng vạch nhịp
 - ☒ Normal : vạch đơn bình thường
 - ☒ Double : vạch kép
 - ☒ Final : vạch nhịp kết bài
 - ☒ Solid : vạch đậm
 - ☒ Dashed : vạch chấm chấm
- ✧ Left Barline : các dạng vạch nhịp bên trái của ô nhịp
- ✧ Change Width : độ rộng
- ✧ Key Signature : xác lập sự hiển thị của hoá biểu
- ✧ Time Signature : xác lập sự hiển thị của số chỉ nhịp

2. TẠO Ô NHỊP LẤY ĐÀ

- ❖ Nhập nốt của ô nhịp
- ❖ Chọn công cụ số 24 (Mirror) trên Main Tool Palette
- ❖ Click vào ô nhịp, hộp thoại Placeholder xuất hiện
 - ✧ Placeholder for Frame **xx** : đặt Placeholder cho ô nhịp số **xx**
 - ✧ Rest for... : nhập số đơn vị trường độ còn thiếu
 - ✧ Chọn giá trị đơn vị trường độ tương ứng với số đã nhập trên khung Rest For
 - ♣ Half(s) : nốt trắng
 - ♣ Dotted Quarter(s) : nốt đen chấm
 - ♣ Dotted Quarter(s) : nốt đen
 - ♣ Dotted Eight(s) : nốt móc đơn chấm
 - ♣ Eight(s) : nốt móc đơn
 - ♣ 16th(s) : nốt móc đôi
 - ♣ 32nd(s) : nốt móc ba
 - ♣ 64th(s) : nốt móc bốn
 - ✧ Click OK - Hộp thoại Set Placeholder xuất hiện
 - ☒ Change This Staff Only : chỉ thay đổi trong khuôn nhạc này (dùng cho ca khúc)
 - ☒ Change All Staves : thay đổi trong tất cả các khuôn nhạc (dùng cho hợp xướng hoặc bản tổng phổ)
 - ☒ Sau khi OK trên khuôn nhạc lấy đà sẽ xuất hiện một biểu tượng

Điều chỉnh nốt trong ô nhịp lấy đà

- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Trên vạch cuối của ô nhịp lấy đà sẽ có 2 Handle
- ❖ Click Handle dưới, sẽ xuất hiện ô Beat Chart với 2 Handle trên là vị trí nguyên thủy trước khi tạo ô nhịp lấy đà, 2 Handle dưới là vị trí hiện tại
- ❖ Dùng Mouse kéo từng Handle để điều chỉnh

Nếu không thấy vạch cuối của ô nhịp lấy đà sẽ có 2 Handle thì sau khi chọn công cụ số 5 (Measure) Double Click vào ô nhịp để mở hộp thoại Measures Attributes, trong khung Position Notes chọn Using Beat-Chart Spacing (Beat-chart : biểu đồ phách)

Điều chỉnh chiều rộng ô nhịp

- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Trên vạch cuối của ô nhịp lấy đà sẽ có 2 Handle

- ❖ Dùng Mouse kéo Handle trên qua trái để giảm và qua phải để tăng chiều rộng ô nhịp

3. GHI HỢP ÂM

Chọn công cụ số 17 (Chord) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu Chord

Cách 1

- ❖ Vào Chord / Type Into Score
- ❖ Click vào nốt muốn ghi hợp âm và gõ ký tự đại diện cho hợp âm
- ❖ Nhấn Spacebar để qua vị trí khác

Cách 2

- ❖ Vào Chord / MIDI Input
- ❖ Click vào nốt muốn ghi hợp âm, một hình “lỗ tai” sẽ hiển thị
- ❖ Ghi hợp âm bằng Midi Keyboard

Cách 3

- ❖ Vào Chord / Manual Input
- ❖ Click vào nốt muốn ghi, xuất hiện hộp thoại Chord Definition
 - ❖ Chord Symbol : hợp âm xuất hiện trong đây được Finale 2000 căn cứ vào dấu hóa đầu khuông nhạc và được xem là bậc 1. Các bậc của hợp âm khác được tính từ gốc này
 - ❖ Root Scale Tone : bậc của hợp âm đang hiển thị trong Chord Symbol, thay đổi trị số trong khung này để chọn hợp âm (Scale : âm giai, Root : chủ âm, căn âm)
 - ❖ Click Listen
 - ❖ Click Cancel trong hộp thoại Listen vừa xuất hiện
 - ❖ Lowercase : ghi hợp âm bằng chữ thường

Chọn các ký hiệu theo sau ký tự hợp âm (hậu tố hợp âm)

- ❖ Click Select trên dòng Chord Suffix ID
- ❖ Chọn ký hiệu trong cửa sổ Chord Suffix Selection
- ❖ Click Select để về lại hộp thoại Chord Definition
- ❖ Click Select trên dòng Chord Suffix ID lần nữa để mở hộp thoại Chord Suffix Editor điều chỉnh vị trí của hậu tố hợp âm
- ❖ Click chọn Alternate Bass và nhập số thích hợp để ghi cho nốt Bass
 - ❖ Lowercase : ghi bằng chữ thường
 - ❖ Put Under Root : thay dấu / bằng dấu _
 - ❖ Click Listen
 - ❖ Click Cancel trong hộp thoại Listen vừa xuất hiện
- ❖ Play : xác lập cách diễn tấu hợp âm
- ❖ Show Fretboard : hiển thị hợp âm theo dạng thế bấm đàn Guitar

Thay đổi hợp âm

- ❖ Click vào hợp âm để làm xuất hiện Handle
- ❖ Double Click vào Handle trên hợp âm để mở hộp thoại Chord Definition và thao tác như trên

Ghi hợp âm tự động

- ❖ Vào Chord chọn One-Staff Analysis (cho bản nhạc có một dòng nhạc) hoặc Two-Staff Analysis (cho bản nhạc có từ 2 dòng nhạc trở lên)
- ❖ Click vào nơi muốn ghi hợp âm
- ❖ Nếu không tìm được hợp âm, Finale 2000 sẽ đưa ra hộp thoại Unknown Chord Suffix với các tùy chọn :

- ❖ I'll do it : nếu muốn tự đặt hợp âm
- ❖ Let Finale do it : Finale 2000 sẽ cố gắng tạo hợp âm thích hợp nhất
- ❖ Cancel : hủy bỏ

Chọn kiểu ghi hợp âm

- ❖ Vào Chord / Chord Style

Hiển thị hợp âm đã ghi theo dạng thế bấm đàn Guitar

- ❖ Vào Chord / Show Guitar Fretboards

Nếu không muốn hiển thị thì bỏ chọn lệnh này

Điều chỉnh khoảng cách từ ký hiệu hợp âm đến khuôn nhạc

- ❖ Vào Chord / Position Chord : điều chỉnh cho hợp âm dạng chữ
- ❖ Vào Chord / Position Fretboards : điều chỉnh cho hợp âm dạng thế bấm đàn Guitar
Bên biên trái của khuôn nhạc sẽ xuất hiện một khung chữ nhật đứng có 4 tam giác dùng để định vị ký hiệu hợp âm
- ❖ Dùng Mouse kéo tam giác thứ nhất (tính từ bên trái sang) lên xuống để điều chỉnh

Khi được tăng, giảm Tone (chuyển cung) của bản nhạc thì hợp âm trong bài sẽ tự động thay đổi theo

Đổi Font chữ cho hậu tố hợp âm

- ❖ Vào Chord / Change Chord Suffix Fonts
 - ❖ Search Fonts : chọn Font muốn thay thế
 - ❖ Replace With : chọn Font thay thế

Xác lập sự ẩn / hiện của Guitar Fretboard trên từng ô nhịp

- ❖ Chọn ô nhịp bằng công cụ 19 (Mass Mover)
- ❖ Vào Mass Edit / Change / Chord Assignments
- ❖ Bỏ chọn mục Show Fretboard

4. DẤU TÁI ĐOẠN

- ❖ Chọn công cụ số 13 (Repeat) trên Main Tool Palette
- ❖ Click vào ô nhịp muốn đặt, xuất hiện hộp thoại Repeat Selection

Lập lại từ đầu bài

- ❖ Chọn biểu tượng thứ 2 trên dòng Graphic Repeats và Click Select
- ❖ Trong hộp thoại Backward Repeat Bar Assignment xuất hiện, nhập số ô nhịp sẽ lập lại trong Target Measure
- ❖ Đánh dấu chọn mục Repeat Until Total Passes
- ❖ Click OK

Lập lại đoạn giữa

- ❖ Chọn biểu tượng thứ 1 cho đầu đoạn và biểu tượng thứ 2 cho cuối đoạn

Dấu nhảy đoạn

- ❖ Chọn biểu tượng thứ 4 – Click Select – xuất hiện hộp thoại Ending Repeat Bar Assignment
- ❖ Nhập số 1 vào khung Total Passes để có dấu nhảy đoạn 1
- ❖ Nhập số ô nhịp sẽ nhảy đến trong Target Measure – Click OK
- ❖ Click Mouse vào dấu nhảy đoạn để xuất hiện các Handle, dùng Mouse kéo Handle để điều chỉnh chiều dài, chiều cao và di chuyển vị trí số

Làm tương tự cho đoạn 2

- ❖ Muốn lập lại nhiều lần chọn Multiple, hộp thoại Multiple Total Passes for Ending xuất hiện, mặc định trong hộp thoại này có 4 ô trống. Thí dụ muốn diễn lại đoạn nhạc trên lần 1, lần 4, lần 6... thì nhập số 1 vào ô số 1, nhập số 4 vào ô số 2, nhập số 6 vào ô số 3... (có thể xác lập đến 255 lần)

Điều chỉnh các chỉ định

- ❖ Click vào góc trái bên dưới của dấu cần điều chỉnh để xuất hiện Handle
- ❖ Double Click vào Handle để mở hộp thoại Backward Repeat Bar Assignment








Xóa dấu tái đoạn

- ❖ Click vào góc trái bên dưới của dấu cần điều chỉnh để xuất hiện Handle
- ❖ Click chọn Handle và nhấn Delete

5. CÁC KÝ HIỆU LẬP LẠI BẰNG CHỮ

- ❖ Chọn công cụ số 13 (Repeat) trên Main Tool Palette
- ❖ Click vào ô nhịp muốn đặt, xuất hiện hộp thoại Repeat Selection
- ❖ Chọn ký hiệu cần sử dụng trong khung Text Repeats và Click Select
- ❖ Trong hộp thoại Repeat Assignment nhập số ô nhịp muốn đến trong khung Target và OK

Trong khung Text Repeats có sẵn các ký hiệu :

- ❖ **Segno** : dấu 
- ❖ **Coda** : dấu 
- ❖ **D.C. (Da Capo) Al Fine**: lập lại từ đầu và kết thúc giữa bài
- ❖ **D.C. Al Fine** : lập lại từ đầu cho đến chữ Fine
- ❖ **D.C. al Coda** : lập lại từ đầu đến dấu 
- ❖ **D.S. (Dal Segno)** : lập lại từ dấu  ở đầu bài
- ❖ **D.S. Al Fine** : lập lại từ dấu  cho đến chữ Fine
- ❖ **D. S. Al Coda** : lập lại từ dấu  cho đến dấu 
- ❖ **To Coda #** : về Coda
- ❖ **D.S. al #** : lập lại
- ❖ **Fine** : kết thúc
- ❖ **Go To Measure #** : đến ô nhịp số ...

Chỉnh sửa các ký hiệu

Click vào ký hiệu để xuất hiện Handle và sau đó Double Click vào Handle để mở hộp thoại Repeat Designer

Di chuyển ký hiệu

Dùng Mouse kéo các Handle

Muốn tạo các chữ mới

Click Create và nhập nội dung vào khung Repeat Text (có thể nhập tiếng Việt)

6. TÁCH THANH NỐI ĐUÔI CÁC NỐT MỐC (BEAM)

- ❖ Chọn công cụ số 19 (Mass Mover) trên Main Tool Palette
- ❖ Chọn ô nhịp muốn tách (nếu chọn toàn bản nhạc thì vào Edit / Select All)
- ❖ Vào MassEdit / Rebeam / Rebeam to Time Signature
 - ❖ **Beat Duration** : chọn hình nốt là móc đơn (lựa chọn này có nghĩa là chỉ nối các nốt nhỏ hơn nốt móc đơn)

- ❖ Number of Beats : chọn số lượng nốt móc đơn cho đủ số phách của ô nhịp (thí dụ : nhịp 4/4 = 8 nốt, nhịp 2/4 = 4 nốt)
Nếu muốn nối theo cách khác, Click Composite và xác lập các thông số trong cửa sổ Composite Time Signature

Cách 2 (đối với bản nhạc có nhiều bè)

- ❖ Vào MassEdit / Rebeam / Rebeam to Lyrics
- ❖ Chọn mục phù hợp trong Break Beams at Each Syllable in (tách thanh nối tại mỗi âm tiết trong ...)
- ❖ Also Break Beams at Each Beat in the Time Signature : tách luôn các nốt có dấu luyến

7. SỐ CỦA Ô NHỊP

Đánh số ô nhịp

- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Vào Measure / Measure Numbers / Edit Regions
Measure Numbering : cách đánh số
 - ❖ First Measure in Region : số của ô nhịp thứ nhất
 - ❖ Prefix - Suffix : ký tự trước và sau số của ô nhịp
 - ❖ Set Font : chọn Font
 - ❖ Style : kiểu đánh số
 - ❖ Show Measure Ranges on Multimeasure Rests : hiển thị số ô nhịp trên các ô nhịp nghỉ được viết tắt

Enclosures : xác lập cách đóng khung

- ❖ Shape : chọn hình dạng đóng khung
- ❖ Edit : sửa đổi cho hình dạng
- ❖ Show On Every Number : đóng khung cho mọi số
- ❖ Show On Selected Numbers : chỉ đóng khung các số được chọn

Positioning & Display : vị trí và cách hiển thị

- ❖ Show Measure Number at ... : chỉ hiển thị số của ô nhịp ở đầu khuông nhạc
- ❖ Show Every ... Number Measures ... : cách ô nhịp đánh số một lần tính từ ô nhịp thứ ...
 - ❖ Hide First Measure Number... : không hiển thị trên ô nhịp đầu tiên
 - ❖ Always Show on Top... : luôn hiển thị bên trên dòng nhạc
 - ❖ Position : vị trí của số so với dòng nhạc

Đóng khung cho số

- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Chọn một hoặc nhiều ô nhịp muốn đóng khung
- ❖ Vào Measure / Measure Numbers / Add Enclosures

Cho ẩn hoặc hiển thị số của ô nhịp

- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Chọn một hoặc nhiều ô nhịp muốn cho ẩn hoặc hiển thị số của ô nhịp
- ❖ Vào Measure / Measure Numbers / Hide hoặc Show Numbers

Xóa số của ô nhịp

- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Click vào Handle dưới số của ô nhịp để chọn
- ❖ Nhấn Delete

Điều chỉnh vị trí của số

Dùng Mouse kéo Handle của số

Trả về mặc định

❖ Vào Measure / Measure Numbers / Reset Defaults

8. BẢN NHẠC CÓ NHIỀU BÈ – NHIỀU DÒNG NHẠC

Thêm dòng nhạc

- ❖ Vào View / Scroll View
- ❖ Chọn công cụ số 1 (Staff) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu Staff
- ❖ Double Click dưới dòng nhạc hiện hữu, mỗi lần Click được một dòng
- ❖ Kéo Handle ở đầu dòng nhạc để điều chỉnh lại khoảng cách

Hoặc

- ❖ Vào Staff / New Staves
- ❖ Number of Staves : số dòng muốn thêm vào
- ❖ Topline to Topline Distance : chỉ định khoảng cách giữa hai dòng nhạc (số âm : cách xuống dưới dòng hiện hữu)

Xóa dòng nhạc

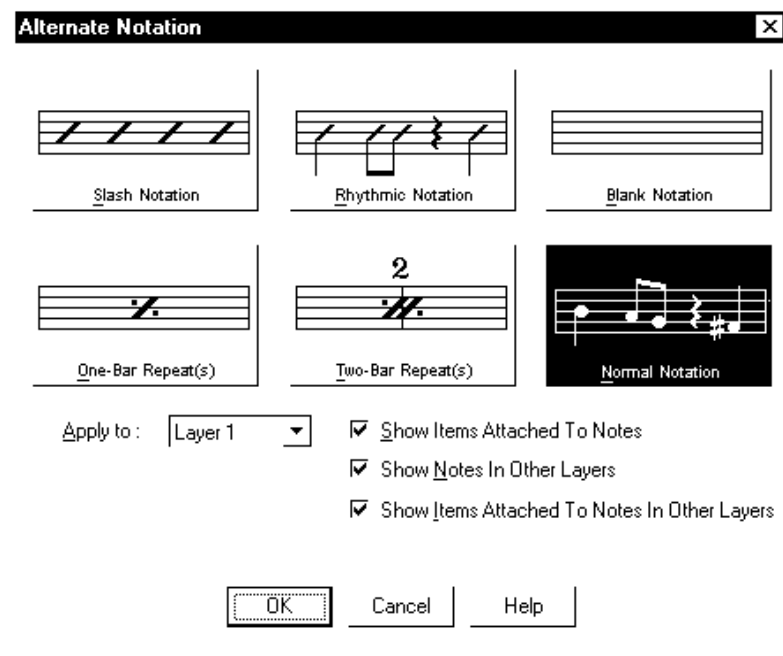
- ❖ Chọn công cụ số 1 (Staff) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu Staff
- ❖ Chọn dòng nhạc muốn xóa
- ❖ Vào Staff / Delete Staves : xóa dòng nhạc nhưng còn để lại khoảng trống
- ❖ Vào Staff / Delete Staves And Reposition : xóa và định lại vị trí

Xác lập thuộc tính cho các dòng nhạc

- ❖ Chọn công cụ số 1 (Staff) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu Staff
- ❖ Vào Staff / Edit Staff Attributes hoặc Double Click vào dòng nhạc, xuất hiện hộp thoại Staff Attributes
 - ❖ Staff Attributes for : chọn dòng nhạc muốn đặt thuộc tính
 - ❖ Full Staff Name : Click Edit để đặt tên trong cửa sổ Edit Text
 - ❖ Abbr Staff Name : tên viết tắt cho những trang sau
 - ❖ Position : vị trí của tên so với dòng nhạc

Sau này muốn sửa tên thì nhấn Ctrl + Click vào Handle của tên

- ❖ First Clef : Click Select để chọn khóa trong cửa sổ Clef Selection
- ❖ Alternate Notation : Click Select để chọn cách thể hiện nốt nhạc theo các kiểu sau :



✧ Staff : chọn loại dòng nhạc

Bình thường là Standard 5-lines, muốn tạo dòng nhạc để ký âm cho các bộ gõ (Percussion) thì chọn 1-line with Short Barline

✧ Options : các xác lập khác cho dòng nhạc

- ♣ Break Barlines Between Staves : ngắt vạch nhịp giữa các dòng nhạc
- ♣ Break Repeat Barlines Between Staves : ngắt vạch lặp lại giữa các dòng nhạc
- ♣ Display Rests in Empty Measures : hiển thị dấu lặng trong các ô nhịp trống
- ♣ Flat Beam : các thanh nối đuôi nốt ngang bằng nhau
- ♣ Hide Staff : cho ẩn dòng nhạc đang chọn
- ♣ Ignore Key Signatures : chuyển dòng nhạc đang chọn về cung C

✧ Items to Display : xác lập các thành phần sẽ hiển thị

Đổi khóa trong bản nhạc

❖ Chọn công cụ số 4 (Clef) trên Main Tool Palette

❖ Click vào đầu khung nhạc

✧ Create a Clef Change at Beginning of Measure : tạo khóa thay đổi tại đầu ô nhịp

✧ Create a Movable Mid-measure Clef : tạo khóa giữa ô nhịp và có thể di chuyển được

✧ Hide Clef : cho ẩn khóa nhạc

Dấu nối các dòng nhạc – Dấu Accolade cho Piano

❖ Chọn công cụ số 1 (Staff) trên Main Tool Palette, xuất hiện menu Staff

❖ Vào Staff / Add Group and Bracket

Xuất hiện hộp thoại Group Attributes

❖ Group Name : Click Edit để đặt tên

❖ Abbr Group Name : tên viết tắt (cho những trang sau)

❖ Position : xác lập khoảng cách từ tên đến dòng nhạc

✧ Aligment : giống hàng tên của các dòng nhạc : bên phải, bên trái hoặc chính giữa

✧ H (Horizontal) : theo phương ngang

☞ **Số âm** : cách xa dòng nhạc

Một cao độ có hai đuôi quay lên và quay xuống

- ❖ Chọn công cụ số 20 (Special Tools) trên Main Tool Palette, xuất hiện thanh Special Tools Palette
- ❖ Chọn biểu tượng số 8
- ❖ Click vào các Handle để tạo thêm đuôi quay lên hoặc xuống

Nối các nốt bè Trâm với các nốt bè Trên

- ❖ Chọn công cụ số 20 (Special Tools) trên Main Tool Palette
- ❖ Chọn biểu tượng thứ 5 và Click vào ô nhịp của bè trâm
- ❖ Các nốt sẽ có 2 Handle
- ❖ Nhấn Shift + dùng Mouse kéo Handle trên lên đến bè cao

Sử dụng Special Tools Palette

- ✧ Biểu tượng thứ 1 (Note Position) : dịch chuyển nốt
 - ✧ Biểu tượng thứ 2 (NoteHead Position) : dịch chuyển đầu nốt
 - ✧ Biểu tượng thứ 3 (Note Shape) : thay đổi hình dạng nốt
 - ✧ Biểu tượng thứ 4 (Accidental Mover) : dịch chuyển dấu hóa bất thường
 - ✧ Biểu tượng thứ 5 (Length Stem) : tăng, giảm chiều dài đuôi nốt (các nốt không có nối đuôi)
 - ✧ Biểu tượng thứ 6 (Broken Beam) : đổi hướng thanh nối đuôi của các nhóm nốt có trường độ không bằng nhau
 - ✧ Biểu tượng thứ 9 (Reverse Stem) : đảo ngược đuôi nốt
 - ✧ Biểu tượng thứ 10 (Custom Stem) : đổi hình dạng đuôi nốt
 - ✧ Biểu tượng thứ 11 (Beam Angle) : tăng, giảm chiều dài đuôi nốt (các nốt móc đã được nối đuôi)
 - ✧ Biểu tượng thứ 12 (Beam Break) : thay đổi cách nối đuôi của các nốt móc
 - ✧ Biểu tượng thứ 13 (Beam Extension) : tăng, giảm chiều dài thanh nối đuôi của các nốt móc
 - ✧ Biểu tượng thứ 14 (Secondary Beam Angle) : tăng, giảm khoảng cách 2 thanh nối đuôi của các nốt từ móc đôi trở lên
 - ✧ Biểu tượng thứ 15 (Tie) : chỉnh sửa dấu nối cho các nốt ghi dạng hợp âm
 - ✧ Biểu tượng thứ 16 (Dot) : dịch chuyển dấu chấm sau hình nốt
 - ✧ Biểu tượng thứ 17 (Beam Width) : tăng, giảm bề dày thanh nối đuôi nốt
- Khi viết hai bè trên hai Layer khác nhau, đuôi các nốt móc được nối với nhau và cùng quay về một hướng thì các thanh nối đuôi sẽ bị so le, dùng công cụ này để điều chỉnh cho thanh nối đuôi của một bè bằng 0 (kéo Handle lên trên)***
- ✧ Biểu tượng thứ 18 (Beam Stem Adjust) : điều chỉnh đuôi nốt (các nốt móc đã được nối)

Ghi bè bằng các nốt nhỏ

- ❖ Chọn Layer 2
- ❖ Vào View / Show Active Layer Only
- ❖ **Nhập nốt cho bè**
- ❖ Chọn công cụ số 19 (Mass Mover) trên Main Tool Palette
- ❖ Chọn ô nhịp muốn (viết) **chuyển thành** các nốt nhỏ
- ❖ Vào MassEdit / Change / Note Size
 - ✧ Resize Notes to : nhập (trị số) **giá trị % muốn** thu nhỏ

Tạo nốt nhạc không có đuôi

Cho toàn tài liệu

- ❖ Vào Options / Document Dettings / Music Options
- ❖ Nhập trị số 0 (Zéro) vào các khung Normal và Shortened Stem length

Cho các nốt được chọn

- ❖ Chọn công cụ số 20 (Special Tool) trên thanh Main Tool Palette
- ❖ Chọn biểu tượng thứ 10 (Custom Stem)
- ❖ Double Click vào Handle của nốt muốn tạo
- ❖ Click Create trong hộp thoại Shape Selection vừa xuất hiện
- ❖ Click OK trong hộp thoại Shape Designer
- ❖ Click Select

10. CHUYỂN DỊCH & TẠO BÈ CHO DÒNG NHẠC

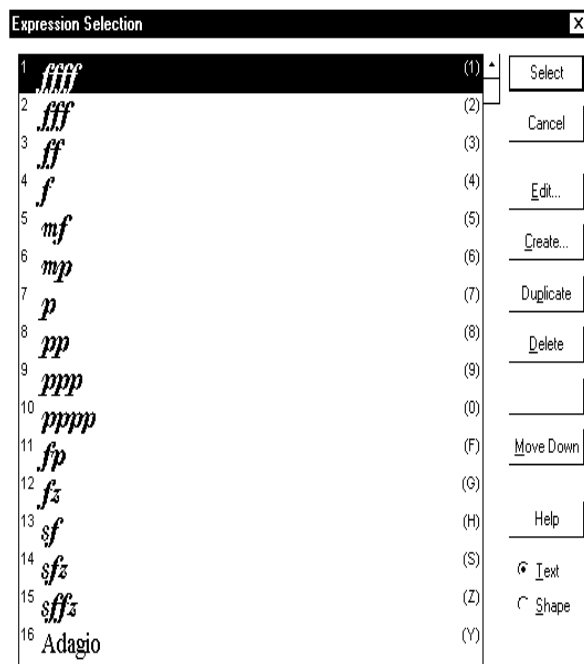
- ❖ Chọn công cụ số 19 (Mass Mover) trên Main Tool Palette
- ❖ Chọn các ô nhịp
- ❖ Vào MassEdit / Transpose
 - ✧ Transpose :
 - ☒ Up : chuyển dịch lên
 - ☒ Down : chuyển dịch xuống
 - ☒ Diatonically : dịch chuyển nốt (thay đổi cao độ)
 - ☒ Chromatically : dịch chuyển giọng (dùng khi chuyển cung)
 - ✧ Interval : chọn quãng chuyển dịch
 - ✧ Plus : tăng thêm bát độ
 - ✧ Preserve Original Notes : duy trì các nốt nguyên thủy (*chọn mục này nếu muốn tạo bè*)

11. GHI CÁC KÝ HIỆU LIÊN QUAN ĐẾN SẮC THÁI BẢN NHẠC

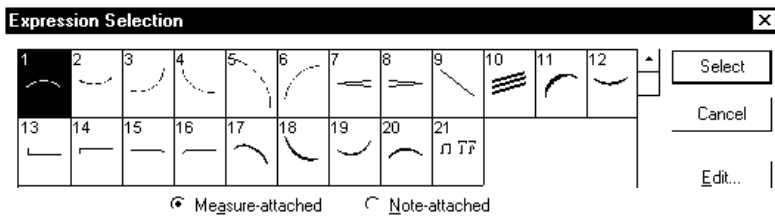
Finale 2000 cung cấp 2 công cụ để ghi các ký hiệu về sắc thái :

Expression Tool

- ❖ Chọn công cụ số 12 (Expression) trên Main Tool Palette
- ❖ Double Click vào nốt nhạc muốn ghi, xuất hiện cửa sổ Expression Selection
- ❖ Chọn Text : nếu muốn ghi ký hiệu bằng chữ



❖ Chọn Shape : nếu muốn ghi ký hiệu bằng hình



- ❖ Measure - attached : gắn ký hiệu vào ô nhịp
- ❖ Note - attached : gắn ký hiệu vào nốt
- ❖ Chọn ký hiệu thích hợp – Click Select
- ❖ Chỉ định vị trí của ký hiệu trong cửa sổ Measure Attached Expression Assignment (nếu trước đó chọn Measure-attached)
 - ❖ Distance from Beginning of Measure : khoảng cách từ đầu ô nhịp
 - ❖ Show on :
 - ♣ All Staves : hiển thị trên tất cả các dòng nhạc
 - ♣ This Staff Only : chỉ hiển thị trên dòng nhạc hiện hành
 - ♣ Staff List : chỉ hiển thị trên những dòng nhạc trong danh sáchEdit : soạn danh sách các dòng nhạc
 - ❖ Begin Playback at : chỉ định cách diễn tấu
 - ♣ Beginning of Measure : từ đầu ô nhịp
 - ♣ Position in Measure : từ một vị trí trong ô nhịp
- ❖ Chỉ định vị trí của ký hiệu trong cửa sổ Note-attached Expression Assignment (nếu trước đó chọn Note-attached)
 - ❖ Distance from : khoảng cách từ ...
 - ♣ Top note : bên trên nốt
 - ♣ Bottom note : bên dưới nốt

- ❖ On Playback, Affect : chọn Layer chịu ảnh hưởng khi diễn tấu
- ❖ Begin Playback at : chỉ định cách diễn tấu
 - ♣ Assigned Note : ngay Note đã chỉ định
 - ♣ Position in Measure : từ một vị trí trong ô nhịp
- ❖ Click Create để tạo các ký hiệu mới

Tạo ký hiệu mới bằng chữ

Xuất hiện cửa sổ Text Expression Designer

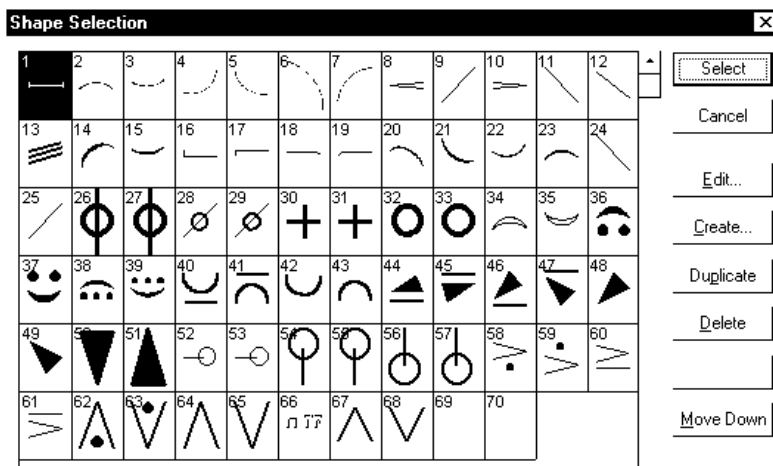
- ❖ Nhập chữ vào khung trắng
- ❖ Enclose Expression : đóng khung cho chữ
 - ☒ Shape : chọn hình dạng
 - ☒ Line Thickness : độ dày khung
 - ☒ Height, Width : kích thước
 - ☒ Opaque : mờ đục
 - ☒ Options
 - ♣ Enforce Minimum Width : chiều rộng tối thiểu bắt buộc
 - ♣ Match Height and Width : chiều rộng tương ứng với chiều cao
 - ♣ Fixed Enclosure Size : dùng khi có nhiều chữ lặp lại
- ❖ Display On screen Only : chỉ hiển thị trên màn hình
- ❖ Playback Options : thiết lập các thông số cho ký hiệu khi diễn tấu

Tạo ký hiệu mới bằng hình

Xuất hiện cửa sổ Shape Expression Designer

- ❖ Trên dòng Shape, Click Select
- ❖ Chọn ký hiệu thích hợp trong cửa sổ Shape Selection – Click Select
- ❖ Allow Horizontal Stretching : cho phép kéo dài theo hàng ngang
- ❖ Display On Screen Only : chỉ hiển thị trên màn hình, không in ra giấy
- ❖ Playback Options : thiết lập các thông số cho ký hiệu khi diễn tấu

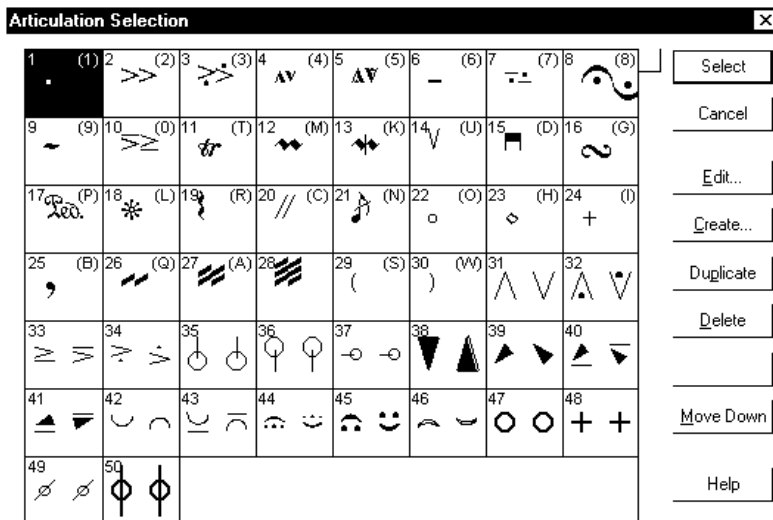
Nếu từ cửa sổ Shape Selection tiếp tục Click vào Create thì cửa sổ Shape Designer sẽ xuất hiện cho phép tự vẽ các dấu hiệu



Articulation Tool

- ❖ Chọn công cụ số 11 (Articulation) trên Main Tool Palette

- ❖ Click lên nốt muốn tạo, xuất hiện cửa sổ Articulation Selection



- ❖ Chọn ký hiệu thích hợp
- ❖ Click Select
- ❖ Create : tạo ký hiệu mới

Xóa các ký hiệu

- ❖ Chọn công cụ tương ứng
- ❖ Click vào ký hiệu cần xóa để xuất hiện Handle
- ❖ Chọn Handle
- ❖ Nhấn Delete

Một số ký hiệu thông dụng

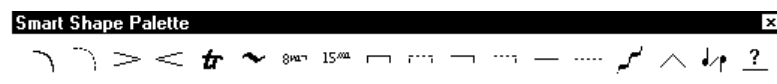
Staccato : ký hiệu số 1
 Marcato : ký hiệu số 2

12. DẤU CHẤM LƯU

- ❖ Chọn công cụ số 11 (Articulation) trên Main Tool Palette
- ❖ Click lên nốt muốn tạo, xuất hiện cửa sổ Articulation Selection
- ❖ Chọn ký hiệu số 8
- ❖ Click Select

13. DẤU CRESCENDO / DECRESCENDO


- ❖ Chọn công cụ số 10 (Smart Shape) trên Main Tool Palette xuất hiện menu SmartShape và thanh công cụ Smart Shape




- ❖ Chọn biểu tượng thứ 3 hoặc thứ 4
- ❖ Vào SmartShape / Smart Shape Options
- ❖ Nhập kích thước trong ô Opening Width

❖ Double Click trên ô nhịp bắt đầu + kéo Mouse đến ô nhịp kết thúc

Thanh công cụ này còn dùng để ghi các ký hiệu sau :

Biểu tượng thứ 2 (Dashed Cuver): 

Biểu tượng thứ 5 (Trill):  vê)


Biểu tượng thứ 6 (Trill Extension): dấu lượn sóng sau chữ **tr**

Biểu tượng thứ 7 (8va/8vb): 8^{va}


Biểu tượng thứ 8 (15ma/15mb): 15^{ma}


Biểu tượng thứ 9 (Double Ended Bracket): 


Biểu tượng thứ 10 (Dashed Double Ended Br): 


Biểu tượng thứ 11 (Bracket): 


Biểu tượng thứ 12 (Dashed Bracket): 


Biểu tượng thứ 13 (Lines): 

Biểu tượng thứ 14 (Dash Lines): 

Biểu tượng thứ 15 (Glissando *Glissando*):  (dấu vuốt)

Biểu tượng thứ 16 (Bend): 

Biểu tượng thứ 17 (Tab Slid): 

Biểu tượng thứ 18 (Custom): 

14. VIẾT TẮT CÁC Ô NHỊP NGHỈ

❖ Chọn công cụ số 5 (Measure)

❖ Chọn các ô nhịp

❖ Vào Measure / Multimeasure Rests / Create

Tách các ô nhịp viết tắt

❖ Vào Measure / Multimeasure Rests / Break

Hiệu chỉnh

❖ Vào Measure / Multimeasure Rests / Edit

15. CHỌN NHẠC CỤ & DIỄN TẤU

Chọn nhạc cụ

❖ Vào Windows / Instrument List

❖ Click vào các nút tam giác để chọn dòng nhạc và nhạc cụ cho từng dòng

Diễn tấu

❖ Vào Windows / Playback Controls

✧ Click vào tam giác bên phải để mở rộng Playback Controls

☒ Tempo : chọn nhịp độ diễn tấu

☒ Playing : chọn Active Document

☒ Play Mode

⊕ Scrolling : hiển thị con nháy khi diễn tấu

✧ Base Key Velocity : xác lập cường độ khi diễn tấu từ 0 đến 127

✧ Click Play để diễn tấu

✧ Playback Options : các xác lập khác cho Playback Controls

16. TẠO BẢN PHÂN PHỐ - TÁCH BÈ

❖ Vào File / Extract Parts

- ❖ Staves : chọn dòng nhạc muốn tách
- ❖ Music Layout : chỉ định lại cách sắp xếp cho dòng nhạc được tách
- ❖ Music Spacing Options : các chỉ định khác về khoảng cách các ký hiệu trong bản nhạc
- ❖ File Names : chỉ định cách đặt tên cho dòng nhạc được tách
 - ✎ Gerenate Name From : Finale 2000 sẽ đặt tên cho dòng nhạc được tách gồm các thành phần :
 - ♣ Tên bản nhạc
 - ♣ Tên dòng nhạc
 - ♣ Số thứ tự của dòng nhạc trong bản nhạc
 - ♣ Tựa đề của bản nhạc căn cứ vào những thông tin trong File Info
- ❖ Prompt For Each Name : Finale 2000 sẽ đưa ra hộp thoại Save As cho người sử dụng tự đặt tên
- ❖ Page Format : định dạng lại trang in cho bè
- ❖ Multimeasure Rest : các chỉ định cho dấu lặng khối (Block Rest)
- ❖ Options : các chỉ định khác cho trang in

17. CHÈN HÌNH ẢNH

- ❖ Chọn công cụ 17 (Graphics) trên thanh Main Tools Palette, xuất hiện menu Graphics
- ❖ Vào Graphics / Place Graphics
- ❖ Chọn tập tin hình ảnh muốn chèn và Click Open
 - Tập tin hình ảnh phải có dạng thức .WMF, .TIFF, .EPS***
- ❖ Click Mouse vào vị trí muốn chèn
- Chỉnh sửa hình ảnh***
- ❖ Chọn đối tượng hình ảnh
- ❖ Vào Graphics / Atribbutes
 - ❖ Attach to : chỉ định vị trí hình ảnh sẽ xuất hiện
 - ❖ Alignment and Positions : xác định lề và vị trí của hình trong trang giấy
 - Có thể dùng Mouse kéo hình đến vị trí mong muốn***
 - ❖ Scale : chỉnh sửa kích thước

18. XUẤT BẢN NHẠC THÀNH FILE HÌNH ẢNH

- ❖ Chọn chế độ hiển thị Page View
- ❖ Vào Graphics / Export Pages
 - ❖ Type : chọn dạng thức tập tin xuất ra
 - ❖ Pages : chọn số trang
 - ❖ File Names : chọn cách thức đặt tên
 - ❖ TIFF Resolution : chọn độ phân giải cho hình sau khi xuất

19. MENU PLUG-INS

Menu Plug-Ins : là những chương trình nhỏ được thiết kế sẵn dùng để hỗ trợ cho việc làm phong phú thêm các ký hiệu nhạc trong Finale 2000

20. MENU MIDI

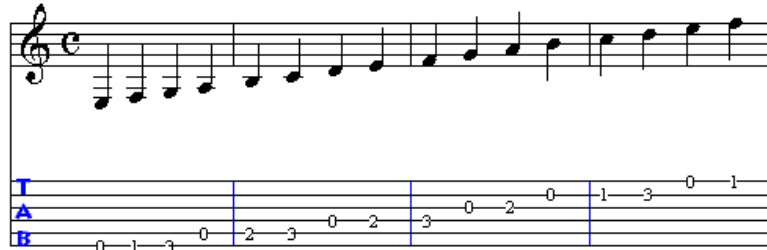
- ❖ ***MIDI Setup*** : các cài đặt cho thiết bị thu – phát âm thanh
- ❖ ***MIDI Thru*** : các thiết lập khi thu – phát âm thanh bằng MIDI Keyboard

- ❖ **Import MIDI File Options**: các xác lập khi mở một tập tin *.MID
- ❖ **Export MIDI File Options**: xác lập khi lưu tập tin với dạng thức *.MID

21. TẠO DÒNG TABLATURE

Tablature là một bản phím chạy dọc theo dòng nhạc chính tượng trưng cho bản phím của các loại đàn dây

- ❖ Chọn một ô nhịp bằng công cụ số 19 (Mass Mover)
- ❖ Vào Plug-ins / Automatic Tablature
- ❖ Trong hộp thoại Automatic Tablature có thể chọn loại Tablature cho các nhạc cụ :
 - ◇ Guitar : 6 dây (String)
 - ◇ Bass : 4 dây
 - ◇ Tenore Banjo : 4 dây
 - ◇ Mandolin : 4 dây
 - ◇ Lute : 6 giây
 - ◇ Custom : chọn loại Tablature không có trong danh sách trên, thí dụ Banjo : 5 dây. Có thể chọn được 12 dây



Số 0 chỉ dây buông (Open String)

Các số 1, 2, 3... chỉ thứ tự số ngón phím trên đàn tính từ cần đàn

Tìm vị trí của một nốt trên dây khác

- ❖ Chọn ô nhịp bằng công cụ số 19 (Mass Mover)
- ❖ Vào Plug-ins / Automatic Tablature
- ❖ Trong hộp thoại Automatic Tablature nhập số ngón phím vào khung Low Fret (ngón phím thấp nhất)

22. TẠO DẤU SLASH (Dấu vạch nghiêng)

- ❖ Chọn ô nhịp muốn tạo bằng công cụ số 1 (Staff) trên thanh Main Tool Palette
- ❖ Vào Staff / Apply Staff Styles
- ❖ Trong hộp thoại Apply Staff Style chọn Rhythmic hoặc Slash Notation

KÝ ÂM CHO TRỐNG

1. CHỌN KHÓA CHO TRỐNG

- ❖ Chọn công cụ số 1 (Staff) trên Main Tool Palette
- ❖ Double Click vào khuôn nhạc, xuất hiện cửa sổ Staff Attributes

- ❖ Click Select trong mục First Clef
- ❖ Chọn biểu tượng thứ nhất trên hàng thứ hai

2. XÓA HÓA BIỂU

- ❖ Chọn công cụ số 1 (Staff) trên Main Tool Palette
- ❖ Double Click vào khuông nhạc, xuất hiện cửa sổ Staff Attributes
- ❖ Trong cửa sổ Staff Attributes chọn Transposition và Click Select
- ❖ Trong khung Key Alter :
 - ✧ Bỏ 1 dấu giáng : nhập số 1
 - ✧ Bỏ 2 dấu giáng : nhập số 2
 -
 - ✧ Bỏ 1 dấu thăng : nhập số - 1
 - ✧ Bỏ 2 dấu thăng : nhập số - 2
 -

3. KÝ HIỆU DÀNH CHO TRỐNG

- ❖ Cymbal và Hi-hat dùng tay (chũm chọc – Charleston) : đầu nốt là dấu nhân, đặt trên đường kẻ thứ 5



- ❖ Hi-hat dùng chân : đầu nốt là dấu nhân, đặt dưới đường kẻ thứ 1



- ❖ Caisse-claire (Trống Dây - Snare Drum) : đầu nốt bình thường, đặt ở khe thứ 3, đuôi quay lên



- ❖ Grosse-caisse (Bass Drum) : đầu nốt bình thường, đặt ở khe thứ 1, đuôi quay xuống



- ❖ Tom Toms Drum (Trống Tum) : các khe còn lại

4. THAY ĐỔI ĐẦU HÌNH NỐT

Cách 1

- ❖ Sau khi nhập nốt nhạc bình thường
- ❖ Chọn công cụ số 19 (Mass Mover) trên Main Tool Palette
- ❖ Click chọn khuôn nhạc
- ❖ Vào MassEdit / Change / Noteheads, xuất hiện cửa sổ Change Noteheads
 - ✧ Trong khung Find chọn All Noteheads
 - ✧ Trong khung Change to chọn Selected Noteheads
 - ✧ Click Select, xuất hiện cửa sổ Symbol Selection
 - ✧ Chọn đầu nốt thích hợp (đầu nốt dấu nhân số 192) và Click Select

Cách 2 : dùng trước hoặc sau khi nhập nốt

- ❖ Chọn công cụ số 1 (Staff) trên Main Tool Palette
- ❖ Double Click vào khuôn nhạc, xuất hiện cửa sổ Staff Attributes
- ❖ Trong khung Notation Style chọn Note Shapes
- ❖ Click Select, xuất hiện cửa sổ Note Shapes
 - ✧ Replace : chọn loại đầu nốt muốn thay thế
 - ☒ Double Whole : đầu nốt vuông
 - ☒ Whole : đầu nốt tròn
 - ☒ Half : đầu nốt trắng
 - ☒ Quarter : từ nốt đen trở xuống
 - ✧ Noteheads on Scale Degree : chọn cao độ có nốt muốn thay đổi
 - Số 1 : Đô
 - Số 2 : Rê
 -
 - số 7 : Si
 - ✧ With this Symbol : Click Select và chọn đầu nốt thay thế trong cửa sổ Symbol Selection

Cách 3 : chuyển đầu nốt về bình thường

- ❖ Chọn công cụ số 20 (Special Tools) trên Main Tool Palette
- ❖ Chọn biểu tượng thứ 3
- ❖ Click vào khuôn nhạc, mỗi đầu nốt sẽ có một Handle
- ❖ Chọn các Handle và Double Click vào **một** Handle, cửa sổ Symbol Selection sẽ xuất hiện
- ❖ Chọn lại đầu nốt – Click Select – OK

BẢN ĐỒ HÌNH NỐT & VỊ TRÍ KÝ ÂM CHO TRỐNG

Drums

36 Bass Drum 1 37 Side Stick 38 Acoustic Snare

40 Electric Snare 41 Low Floor Tom 42 Closed Hi Hat 43 High Floor Tom

44 Pedal Hi Hat 45 Low Tom 46 Open Hi Hat 47 Low Mid Tom

48 Hi Mid Tom 49 Crash Cymbal 1 50 High Tom 51 Ride Cymbal 1

52 Chinese Cymbal 53 Ride Bell 55 Splash Cymbal 56 Cowbell

57 Crash Cymbal 2 59 Ride Cymbal 2

TRÌNH BÀY & IN

1. DÀN TRANG

- ❖ Chọn công cụ 22 (Page Layout) trên Main Tool Palette
- ❖ Trên thanh menu sẽ xuất hiện menu Page Layout, đồng thời trên trang giấy sẽ xuất hiện các Handle của lề trang (trên, dưới, phải, trái) và mỗi dòng nhạc có 2 Handle ở góc trên bên trái và góc dưới bên phải

Có thể dùng Mouse kéo các Handle này để điều chỉnh kích thước lề trang và vị trí các dòng nhạc

Chọn khổ giấy

- ❖ Vào Page Layout / Page Size
 - ✧ Chọn các khổ giấy có sẵn hoặc khai báo kích thước tờ giấy trong ô Width và Height
 - ✧ Chọn hướng giấy đứng (Portrait) hay nằm ngang (Landscape)
 - ✧ Chỉ định các lựa chọn trên sẽ được áp dụng cho :
 - ♣ Trang số mấy : Page xx only
 - ♣ Tất cả các trang : All Pages
 - ♣ Trang bên trái : Left Pages

- ♣ Trang bên phải : Right Pages
- ♣ Từ trang đến trang : Page Range, ghi số trang trong khung From và Thru

Xác lập lề

- ❖ Vào Page Layout / Page Margins / Edit Margins
 - ✧ Top, Bottom, Left và Right : nhập kích thước chừa lề
 - LƯU Ý : các trị số của Top và Right phải nhập số âm**
 - ✧ Page ... only : chỉ áp dụng cho trang thứ ...
 - ✧ All Pages : áp dụng cho tất cả các trang
 - ✧ Left (Right) Only : chỉ áp dụng cho trang bên trái (hoặc phải)
 - ✧ Page Range : áp dụng cho các trang từ... đến

Chèn thêm trang trắng

- ❖ Vào Page Layout / Insert Blank Pages, xuất hiện cửa sổ Insert Blank Pages
 - ✧ Insert ... Blank Page(s) : nhập số trang muốn chèn
 - ✧ Before Page... : chèn vào trước trang số ...
 - ✧ After Page... : chèn vào sau trang số ...
 - ✧ At End of Document : chèn vào sau trang cuối cùng

Xóa trang trắng

- ❖ Vào Page Layout / Delete Blank Pages, xuất hiện cửa sổ Delete Blank Pages
 - ✧ From Page ... Through... : từ trang.... đến trang....
 - ✧ From Page ... Through End of Piece : từ trang.... đến hết
- Trở về các mặc định của chương trình (hủy bỏ các điều chỉnh của người sử dụng)**

- ❖ Vào Page Layout / Redefine Pages
- ❖ Chọn một trong các mục sau :
 - ✧ Current page : trang hiện hành
 - ✧ All Pages : tất cả các trang
 - ✧ Left Pages : các trang bên trái
 - ✧ Right Pages : các trang bên phải
 - ✧ Select Pages : các trang được chọn, sẽ xuất hiện hộp thoại Redefined Select Page
 - ♣ Page Range : chọn các trang
 - ♣ Include Page : bao gồm
- ❖ Click OK trong hộp thoại Redefine Pages

Tránh xung đột với lề

- ❖ Vào Page Layout / Avoid Margin Collision : lệnh này không cho phép điều chỉnh khung nhạc vượt quá lề trang đã quy định

2. ĐIỀU CHỈNH SỐ Ô NHỊP TRONG MỘT DÒNG NHẠC

Cách 1

- ❖ Chọn công cụ 22 (Page Layout) trên Main Tool Palette
- ❖ Vào Page Layout / Group Measures
- ❖ Nhập số ô nhịp trong hộp thoại Mass Measures Grouping

Cách 2

- ❖ Vào View / Page View
- ❖ Chọn công cụ 19 (Mass Mover) trên thanh Main Tool Palette, sẽ xuất hiện menu MassEdit
- ❖ Chọn các ô nhịp

- ❖ Dùng các phím mũi tên
 - ✧ Nhấn phím mũi tên ↑ : di chuyển lên dòng nhạc trên
 - ✧ Nhấn phím mũi tên ↓ : di chuyển xuống dòng nhạc dưới

Cách 3

- ❖ Vào / MassEdit / Fit Music **Ctrl + M**
 - ✧ Chọn các ô nhịp
 - ✧ Measure Per System : số ô nhịp cho mỗi dòng nhạc
 - ✧ Fit Selected Measure in to... : xếp các ô nhịp đã chọn vào một dòng

3. ĐIỀU CHỈNH KHOẢNG CÁCH CÁC DÒNG NHẠC

Các dòng nhạc cách đều nhau

- ❖ Cho bản nhạc hiển thị ở chế độ Page View
- ❖ Chọn công cụ số 1 (Staff) trên Main Tool Palette
- ❖ Trên thanh Menu sẽ xuất hiện Menu Staff và bên trái mỗi khuôn nhạc có một Handle trên đường kẻ thứ 5
- ❖ Dùng Mouse kéo Handle xuống dưới để tăng và kéo lên trên để giảm khoảng cách

Các dòng nhạc cách không đều nhau

- ❖ Chọn công cụ số 22 (PageLayout) trên Main Tool Palette
 - ❖ Mỗi dòng nhạc sẽ có 2 Handle : dùng Mouse kéo Handle góc trên bên trái để tăng và Handle góc dưới bên phải để giảm khoảng cách với dòng nhạc bên dưới
- Sau khi điều chỉnh nếu thấy khuôn nhạc vượt quá khổ giấy thì vào Edit / Update Layout***

4. ĐIỀU CHỈNH CHIỀU RỘNG Ô NHỊP

- ❖ Chọn công cụ số 5 (Measure) trên Main Tool Palette
- ❖ Trên vạch nhịp sẽ có 2 Handle
- ❖ Dùng Mouse kéo Handle trên để điều chỉnh

5. ĐIỀU CHỈNH CÁC KÍCH THƯỚC KHÁC

- ❖ Chọn công cụ số 21 (Resize) trên Main Tool Palette
- ❖ Cho bản nhạc hiển thị ở chế độ Page View
 - ✧ Hình nốt hoặc đầu nốt : Click vào nốt nhạc (đầu nốt), nhập trị số vào hộp thoại Resize Notes (Notehead)

Phục hồi lại kích thước của nốt và đầu nốt

- ♣ Chọn nốt muốn phục hồi bằng công cụ Mass Mover
 - ♣ Vào Mass Edit / Clear Items
 - ♣ Chọn các mục : Only Selected Items và Entries
 - ♣ Trong hộp thoại xuất hiện chọn Notehead and Percentage Alterations
 - ♣ Click OK 2 lần
 - ✧ Dòng nhạc : Click vào dòng nhạc, nhập trị số vào hộp thoại Resize Staff
 - ✧ Khoảng cách các dòng nhạc : Click vào khoảng trống giữa hai dòng nhạc, nhập trị số vào hộp thoại Resize Staff System
 - ✧ Trang in : Click vào khoảng trống bất kỳ trên trang, nhập trị số vào hộp thoại Resize Page
- ❖ Sau đó vào Edit / Update Layout

6. IN

❖ Vào File / Print

- ❖ Setup : chọn máy in, khổ giấy, hướng giấy
- ❖ Print Range : chọn vùng in
- ❖ Print Quality : với máy in Laser nên chọn từ 300 dpi trở lên
- ❖ Copies : số bản in
- ❖ Print to File : in ra thành tập tin trên đĩa (không in ra giấy)
- ❖ Left and Right Pages : in cả trang bên trái và trang bên phải
- ❖ Left (Right) Pages Only : chỉ in những trang bên trái (phải)
- ❖ 1 - up : in một trang trên một tờ giấy
- ❖ 2 - up : in hai trang trên một tờ giấy
- ❖ 4 - up : in bốn trang trên một tờ giấy
- ❖ Ignore Printer Margin for N-up Printer : khi in nhiều trang trên một tờ giấy phải chọn mục này
- ❖ Reverse Order : in ngược từ trang cuối cùng đến trang đầu tiên
- ❖ Print Display Colors : in các màu hiển thị trên màn hình, nếu không có máy in màu tùy chọn này sẽ cho in các màu thành màu xám trên máy in đen trắng

Khi viết nhạc chọn loại máy in nào thì khi in cũng phải in đúng trên loại máy in đó

7. IN BẢN PHÂN PHỐ – TÁCH BÈ

- ❖ Vào File / Print Parts
- ❖ Finale 2000 sẽ tự động in toàn bộ các trang của bản nhạc theo từng dòng nhạc

